Cafe VIỆT NAM

Số 1 ● 4 / 2011

NỘI DUNG CHÍNH

Tiêu điểm 02

Hiện trạng, vấn đề và một số hướng giải pháp phát triển bền vững cà phê Việt Nam
Đoàn Xuân Hòa
Cục chế biến thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối

Nhân lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột bàn về biện pháp nâng cao giá trị xuất khẩu của cà phê Tây Nguyên
Đoàn Triệu Nhạn

Thị trường 08

Tổng quan thị trường cà phê thế giới niên vụ 2009/2010 và triển vọng 2010/2011

Lối thoát nào cho xuất khẩu cà phê Việt Nam?
Nguyễn Đình Bích

Doanh nghiệp 14

ĐẦU TƯ CÀ PHÊ SANG LÀO
Thuận lợi về tài nguyên - Khó khăn về nguồn vốn
Trần Lê

Văn hóa cà phê 16

Vài nét về phát triển Cà phê ở Brasil
Nguyễn Văn Huỳnh
Nguyên Đại sứ Việt Nam tại Brasil

Văn bản chính sách 18

NGHỊ QUYẾT 48/NQ-CP
Về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản

Thống kê 19

Số liệu xuất khẩu cà phê Việt Nam
Giá cà phê nội địa
Giá cà phê thế giới

Chịu trách nhiệm nội dung
TRẦN THỊ QUỲNH CHI

Ban biên tập
TRẦN THỊ QUỲNH CHI, *Trưởng ban*
ĐOÀN TRIỆU NHẠN, *Phó ban*
PHẠM THỊ TƯỚC, *Chuyên gia*
TRẦN CÔNG THẮNG, *Tiến sĩ*
PHAN QUỐC SỦNG, *Phó giáo sư, Tiến sĩ*
TRẦN LÊ, *Nhà báo*
DOANH CHÍNH, *Nhà báo*

Cộng tác viên
TRƯƠNG HỒNG, *Tiến sĩ - Viện KHKT NLN Tây Nguyên*
ĐỖ NGỌC SỸ, *Văn phòng 4C tại Việt Nam*
NGUYỄN NAM HẢI, *Giám đốc Cafecontrol*
HUỲNH QUỐC THÍCH, *Sở NNPTNT Đaklak*
NGUYỄN VĂN HUỲNH, *Nguyên đại sứ VIệt Nam tại Brazil*

Thư ký
NGÔ VI DŨNG
TRƯƠNG HỒNG KIM
TRẦN HOÀI THẢO TRANG
NGUYỄN TRỌNG KHÁNH
AN THU HẰNG

Vi tính, đồ họa
PHAN VĂN DẦN
NGUYỄN THÙY LINH

Thư từ, bài vở
Email: cafe@agro.gov.vn

Liên hệ quảng cáo
TRUNG TÂM THÔNG TIN PTNNNT
Địa chỉ: 16 Thụy Khuê - Q. Tây Hồ - Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 39725153 | Fax: (84.4) 3972 6949
Email: info@agro.gov.vn
Website: www.agro.gov.vn

AGROINFO

Hiện trạng, vấn đề và một số hướng giải pháp phát triển bền vững cà phê Việt Nam

Đoàn Xuân Hòa
Cục chế biến thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối

Việt Nam hiện là nước sản xuất cà phê Robusta lớn nhất thế giới, với diện tích trên 500.000 ha, hàng năm cho sản lương trên dưới 1 triệu tấn nhân.

Từ năm 2004 trở lại đây, ngành cà phê đã có bước tiến đáng kể, kim ngạch xuất khẩu tăng từ 483 triệu USD (năm 2000) lên 734 triệu USD (năm 2005), đạt kỷ lục 2,1 tỷ USD (năm 2008). Với giá trị tổng sản lượng chiếm 2% GDP, ngành cà phê đã có đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế của đất nước, là nguồn thu nhập chủ yếu của 540.000 hộ gia đình nông dân trồng cà phê, hơn 1,6 triệu lao động, góp hần quan trọng vào việc ổn định chính trị xã hội tại các tỉnh Tây Nguyên, miền núi.

Mặc dù vậy, sản xuất và xuất khẩu cà phê luôn tiềm ẩn nhiều bất ổn. Nếu như vụ cà phê 2008/2009 được mùa với lượng xuất khẩu trên 1,17 triệu tấn, kim ngạch 1,942 tỷ USD, thì vụ 2009/2010, sản lượng sản xuất chỉ đạt gần 1,04 triệu tấn, lượng xuất khẩu xấp xỉ vụ 2008/2009 nhờ lượng hàng tồn kho từ vụ trước lớn, giá trị đạt trên 1,66 tỷ USD. Tuy con số này cũng khá khả quan, nhưng năm 2010, ngành cà phê đã phải đối diện với nguy cơ khủng hoảng khi giá cà phê xuống thấp và Chính phủ đã phải có chính sách "tình thế", hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp mua tạm trữ cà phê để chủ động điều tiết thị trường.

Vụ cà phê tới cũng được dự báo có diễn biến bất thường do biến đổi khí hậu ngày càng ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp; tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế; trong khi đó ngành cà phê Việt Nam chưa thực sự có bước tiến trong việc tạo lập một hệ thống sản xuất – kinh doanh chuyên nghiệp, uy tín, năng lực cạnh tranh cao, ngược lại còn khá bị động trước những thay đổi của thị trường.

Chính vị vậy, phát triển bền vững ngành cà phê là đòi hỏi cấp thiết hiện nay. Trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, những thách thức trong thời gian tới, báo cáo hướng tới việc đề xuất các cơ chế chính sách nhằm phát triển sản xuất cà phê bền vững, tăng năng lực cạnh tranh, từng bước khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh của cà phê Việt Nam trên thị trường.

Hiện trạng ngành cà phê Việt Nam

Về sản xuất hiện nay, diện tích cà phê cả nước đạt khoảng 450 nghìn ha với sản lượng trên 1 triệu tấn. Năm 2011, dự báo diện tích trồng cà phê sẽ tăng lên do giá cà phê đang tăng cao. Tuy nhiên điều đáng nói là tỷ lệ diện tích cà phê già cỗi, sâu bệnh cho năng suất thấp, cần phải đưa vào chương trình tái canh khá cao, chiếm đến gần 100.000 ha, tức 20%. Bên cạnh đó, kỹ thuật thâm canh, chăm sóc cây chưa được người dân quan tâm đúng mức: tình trạng bón phân, tưới nước quá mức, không trồng cây che bong, hái tuốt cành vẫn phổ biến. Tỷ lệ diện tích cà phê có chứng chỉ sản xuất bền vững như UTZ Certified, 4C chỉ chiếm 10%.

Các vườn cà phê chủ yếu của nông dân với diện tích không lớn (2-5ha), gặp khó khăn trong việc áp dụng các chương trình sản xuất cà phê bền vững. Mặt khác, thay đổi nhận thức, tập quán của người nông dân trong việc cải tiến quy trình thâm canh, chăm sóc, thu hoạch là việc đòi hỏi có nhiều đầu tư trong thời gian dài. Với tỷ lệ diện tích cà phê xấu, nếu không thực hiện hiệu quả chương trình tái canh thì khó có thể duy trì sản lượng và chất lượng cà phê hiện có.

Về chế biến, trong những năm gần đây, các doanh nghiệp đã quan tâm đầu tư về thiết bị và công nghệ chế biến. Có gần 50 nhà máy chế biến quy mô công nghiệp, trong đó có 4 - 5 nhà máy cà phê nhân lớn (công suất từ 60.000 – 150.000 tấn/năm). Tổng công suất chế biến cà phê nhân trên 1.200.000 tấn/năm, tuy nhiên phân bố còn thiếu hợp lý dẫn đến có nhà máy hoạt động không hết công suất do thiếu nguyên liệu. Tổng công suất chế biến cà phê hòa tan khoảng 80 ngàn tấn, chiếm chưa đến 10% sản lượng.

Về tiêu thụ. Trong nước có 153 doanh nghiệp sản xuất cà phê, trong đó chỉ khoảng 20 doanh nghiệp xuất khẩu với khối lượng tương đối lớn. Hàng năm nước ta xuất khẩu khoảng 1 triệu tấn cà phê tới 80 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 10 nước là bạn hàng lớn, qua 26 đầu mối các hàng và doanh nghiệp nước ngoài mua trực tiếp cà phê Việt Nam. Các doanh nghiệp mua bán trong nước chủ yếu qua thương lái với tiêu chuẩn tự thỏa thuận, trong đó số doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn TCVN 4193:2005 chỉ khoảng 10% sản lượng. Trung tâm giao dịch cà phê Buôn Mê Thuột mới chỉ bắt đầu chỉ tiến hành phương thức mua bán giao ngay, chưa thực hiện giao dịch kỳ hạn trên lãnh thổ Việt Nam.

Nguyên nhân

Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp chế biến, kinh doanh cà phê Việt Nam còn thấp. Các doanh

nghiệp không đủ nguồn lực để thu mua dự trữ cà phê chờ thời điểm có lợi để bán ra. Đầu vụ, các doanh nghiệp bán ồ ạt để lấy tiền trả nợ, có tháng bán ra đến 200.000 tấn, trong khi nhu cầu cà phê Robusta của thị trường chỉ trong khoảng 80.000 – 100.000 tấn/tháng. Đây là cơ hội cho 12 nhà nhập khẩu và 8 nhà rang xay lớn ép giá. Cũng từ sự thiếu hụt về vốn, các doanh nghiệp Việt Nam thường thực hiện hợp đồng mua bán cà phê theo nguyên tắc trừ lùi, khi gặp phải tình trạng giá giảm liên tục, lên xuống thất thường tại các thị trường kỳ hạn, nhiều doanh nghiệp đã thua lỗ, không được ngân hàng cho vay vốn.

Như trên đã đề cập, việc có quá nhiều đầu mối tham gia xuất khẩu nhưng chưa đến 20%là những doanh nghiệp lớn, trong khi đó số lượng bạn hàng hạn chế, do đó xảy ra tình trạng tranh mua, tranh bán.

Bên cạnh một số ít doanh nghiệp chủ động đầu tư, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, còn khá nhiều doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến chất lượng và sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng. Việc áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật trong giao dịch mua bán hàng hóa không được thực hiện nghiêm túc từ chính trong các doanh nghiệp.

Các hoạt động mở rộng thị trường cà phê rang xay, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với cà phê còn hạn chế, trong đó tính chuyên nghiệp, kiến thức thị trường trong quá trình hội nhập của doanh nghiệp rất yếu.

Thiếu sự liên kết trong sản xuất – chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và nông dân.

Mối liên hệ giữa các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cà phê với nhau; giữa doanh nghiệp và nông dân hết sức lỏng lẻo, thiếu sự chia sẻ về lợi ích. Nông dân "mù" thông tin, thường xuyên bị ép giá, nhận rủi ro về mình.

Trong chuỗi phân phối lợi nhuận, người trồng cà phê chỉ chiếm một tỷ lệ quá nhỏ nhoi so với các nhà tư bản rang xay, tinh chế cà phê. Đây là yếu tố cơ bản khiến người nông dân không an tâm với sản phẩm của mình . Chia sẻ lợi ích hợp lý trong chuỗi sản xuất sản phẩm từ người trồng – người sơ chế - môi giới – chế biến công nghiệp đang là đòi hỏi thiết thực nhất hiện nay, nếu muốn duy trì và nâng tầm sản phẩm cà phê không chỉ là đồ uống thông thường mà còn là sản phẩm của những giá trị văn hóa, thúc đẩy xóa đói giảm nghèo và hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Biến đổi khí hậu ngày càng gây ra những hậu quả nghiêm trọng cũng như khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế diễn ra trên toàn cầu là những nguy cơ mà ngành cà phê cũng như ngành khác phải đối mặt.

Một số gợi ý về giải pháp

Tăng khả năng dự trữ cà phê, đảm bảo xuất khẩu mang lại lợi ích cao và bền vững.

Hàng năm căn cứ vào sản lượng và kế hoạch tiêu thụ, Hiệp hội Cà phê ca cao Việt Nam cần đề xuất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phương án lưu kho cà phê để điều tiết lượng hàng bán ra. Sau khi phương án được duyệt, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại cho các doanh nghiệp được chỉ định vay đủ vốn tương ứng với lượng cà phê giao dịch theo từng thời điểm.

Trên cơ sở hợp đồng tiêu thụ sản phẩm doanh nghiệp ký với dân ngay từ đầu vụ về giá cả, số lượng, thời hạn… và đề nghị của doanh nghiệp, ngân hàng giải ngân trực tiếp cho dân tiền ứng trước đã ghi trong hợp đồng và doanh nghiệp nhận nợ với ngân hàng thương mại.

Các hộ nông dân, chủ trang trại không có tài sản đảm bảo được ngân hàng cho vay theo điều 8 của Nghị định 41/2010/NĐ-CP.

Các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cà phê xây kho tạm trữ được hưởng chính sách ưu đãi theo Quyết định 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/102010 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch.

Hỗ trợ khi giá cà phê xuống thấp

Trong trường hợp giá cà phê trên thị trường trong nước xuống dưới giá thành sản xuất bình quân, ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của nông dân, Chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp và người trồng cà phê theo hướng:

Đối với doanh nghiệp: Căn cứ đề xuất của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Hiệp hội cà phê, ca cao Việt Nam, các tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định cho các doanh nghiệp đầu mối tham gia tạm trữ vay đủ vốn để mua số lượng cà phê đưa vào tạm trữ theo cơ chế tín dụng thông thường; doanh nghiệp được hỗ trợ cấp bù lãi suất 100% trong thời hạn ít nhất 06 tháng, trích từ Quỹ bảo hiểm cà phê.

Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng cà phê: Căn cứ vào sản lượng cà phê tiêu thụ trong năm, có xác nhận của chính quyền địa phương, Nhà nước hỗ trợ trực tiếp người trồng cà phê 100% lãi suất vốn vay để mua vật tư, phân bón phục vụ quá trình sản xuất, chăm sóc cây cà phê.

Coi chế biến – xuất khẩu cà phê như một ngành sản xuất kinh doanh có điều kiện Hạn chế việc kinh doanh cà phê một cách tự phát, nhà nhà làm cà phê, nhà nhà xuất khẩu. Vì vậy,

Ảnh: Corbis

các đối tượng doanh nghiệp được thụ hưởng chính sách cần phải thỏa mãn các điều kiện: (i) Có năng lực kinh doanh số lượng cà phê lớn tại từng địa phương, tài chính minh bạch, lành mạnh được UBND tỉnh và Hiệp hội cà phê – ca cao Việt Nam xác nhận; (ii) Cơ sở vật chất và kho chứa đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 01:06 – 2009/BNNPTNT; (iii) Thực hiện thu mua cà phê của nông dân theo hợp đồng, đảm bảo lợi ích của người trồng cà phê và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh; không mua bán cà phê lẫn loại do hái "tuốt cành" có tỷ lệ quả chính dưới 80%.

Thành lập quỹ bảo hiểm cà phê

Cùng với việc nâng cao chất lượng, việc thành lập Quỹ bỏa hiểm là yếu tố để ngành cà phê thực hiện sản xuất kinh doanh một cách chủ động, mang tính căn cơ, lâu dài, tránh sự thụ động và "bóp méo" thị trường bởi sự can thiệp của Nhà nước trong các hỗ trợ trực tiếp. Ban soạn thảo đã đề xuất các nội dung:

Thành lập Quỹ bảo hiểm cà phê từ nguồn thu của các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến, xuất khẩu cà phê, tính theo khối lượng xuất khẩu; mức thu cụ thể do hiệp hội cà phê ca cao Việt Nam thống nhất quy định theo từng năm, trên cơ sở hiệu quả của sản xuất, kinh doanh.

Kiên trì chính sách chất lượng

Các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê nhân phải tuân thủ các yêu cầu về chất lượng theo TCVN; tỷ lệ cà phê chất lượng cà phê thấp hơn tiêu chuẩn không được vượt quá 10% lượng hàng hóa xuất khẩu theo chứng thư giám định chất lượng hàng hóa, nếu vượt quá phải nộp phí 10 USD/tấn vào Quỹ bảo hiểm cà phê. Khuyến khích thành lập và phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của Câu lạc bộ các doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu, nhằm đảm bảo chất lượng, thống nhất giá cả, điều tiết xuất khẩu và thực hiện thanh toán theo hình thức trả ngay, khắc phục hình thức hợp đồng trừ lùi hoặc theo giao dịch ảo.

Nhân lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột bàn về biện pháp nâng cao giá trị xuất khẩu của cà phê Tây Nguyên

Chúng ta ai cũng biết nước ta là nước sản xuất cà phê lớn thứ hai trên thế giới. Nhưng cũng không ít người băn khoăn vì lẽ tới 95% sản lượng cà phê Việt Nam là cà phê robusta (cà phê vối), loại cà phê được coi là chất lượng thấp, rẻ tiền hơn cà phê arabica. Tỉnh Đaklak, một tỉnh dẫn đầu cả nước về xuất khẩu cà phê, hàng năm làm ra khoảng 40 vạn tấn cà phê nhân nhưng cũng đều là cà phê robusta. Vậy sản xuất cà phê robusta có phải là thế yếu của ngành cà phê Việt Nam hay không? Và có cách nào nâng cao giá trị cà phê robusta Việt Nam mang lại nhiều lợi ích hơn cho đất nước hay không? Đó là một vấn đề cho nhiều người cùng trăn trở, suy nghĩ. Chỉ có một hướng đi cho ngành cà phê đó là: nâng cao chất lượng cà phê vối, sản xuất ra các mặt hàng cà phê vối hảo hạng, đặc biệt, cung cấp cho người tiêu dùng cà phê loại hàng hóa chất lượng cao mà giá cả lại phải chăng đủ sức hấp dẫn người tiêu dùng. Chúng tôi xin trình bày ý đó qua bài viết sau.

Đoàn Triệu Nhạn

Đã có một thời, cách đây không lâu lắm, người ta thưởng thức cà phê, chẳng có cà phê hảo hạng hay đặc biệt, cũng không có cà phê cô đặc hay espresso mà chỉ là "uống cà phê". Cho đến những năm 1980 khi nói đến cà phê là nói đến hai giống cà phê arabica và cà phê robusta, chúng được sản xuất ở hai phần khác nhau của trái đất. Cà phê arabica được đưa từ châu Mỹ la tinh vào Bắc Mỹ còn cà phê robusta thì từ châu Phi, Ấn Độ, Indonesia đưa vào châu Âu.

Đây là 2 giống cà phê có đặc tính khác nhau, cà phê arabica hay là cà phê chè có độ axit chua hơn, vị se hơn và dịu hơn, còn cà phê robusta còn gọi là cà phê vối có chất đậm đà hơn và có nhiều

cafein hơn. Và như thế đã dẫn đến sự khác biệt giữa những người uống cà phê, người thích uống giống này và người thích giống kia. Cà phê chè có hương vị thơm ngon chiếm 60 – 65% tổng sản lượng cà phê và luôn được bán với giá cao hơn. Qua thời gian và do nhiều tổ hợp lý do khác nhau không phải tất cả chúng đều được tôn vinh, và cà phê robusta đã trở thành loại thu nhập phụ. Đặc biệt là ở Mỹ, cà phê vối ngày nay được xếp vào hạng cà phê rẻ tiền dùng để đấu trộn, hay để sản xuất cà phê hòa tan.

Với sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất cà phê ở Việt Nam mà 95% sản lượng là cà phê vối cùng với sự tăng trưởng nhanh chóng của cà phê Conilon của Brasil mà sản lượng cà phê robusta trên thế giới chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng sản lượng cà phê. Có thể lấy số liệu 4 năm gần đây làm dẫn chứng. (Bảng 1)

Cà phê vối được tìm thấy và phân loại vào cuối thế kỷ thứ 19, cho đến cuối những năm 1980 nó đã trở thành một nguồn thu nhập sau cà phê chè. Ngày nay châu Á sản xuất tới 20% tất cả cà phê sinh trưởng trên hành tinh này. Ba nước có sản lượng cà phê lớn ở châu Á là Việt Nam, Indonesia và Ấn Độ lần lượt xếp thứ 2, 4 và thứ 7 trên thế giới. Trong khi đó trong lịch sử, các nước đi đầu mở đường cho việc sản xuất cà phê hảo hạng là Ethiopia, Kenya, Jamaica và Colombia tất cả đều là cà phê chè. Và người tiêu dùng ở Bắc Mỹ, nơi đã nảy sinh ra hiện tượng "cà phê đặc biệt" chỉ mua cà phê vối làm cà phê pha trộn hoặc chế biến cà phê hòa tan đưa lại hình ảnh rất không có lợi trong việc gia tăng giá trị cho loại cà phê này.

Tất cả những điều đó là lý do, như là một sự cưỡng bách, phải sáng tạo ra loại cà phê vối hảo hạng nổi lên mạnh mẽ cả về nguồn cung cấp, cả về chuỗi thị trường của nước nhập khẩu.

Chúng ta biết rằng lượng tiêu thụ cà phê trên thế giới có chiều hướng tăng lên hàng năm. Theo thống kê của tổ chức cà phê quốc tế thì: Năm 2000 cả thế giới tiêu thụ 104 triệu bao (60kg/bao); 2005 là 115 triệu bao; 2009 là 132 triệu bao.

Hoa Kỳ hiện là thị trường cà phê lớn nhất thế giới mặc dù lượng tiêu dùng tính theo đầu người hàng năm vẫn kém châu Âu (4kg so với 5kg/người/năm).

Ở châu Âu, lượng tiêu dùng theo đầu người thay đổi từ khoảng 10kg ở các nước Bắc Âu (Đan Mạch, Phần Lan, Iceland, Na Uy và Thụy Điển) đến khoảng 3 kg ở Anh và hầu hết các nước Đông Âu. Chúng ta quan tâm đến những thị trường tiềm năng. Cái lý lẽ để ta sản xuất cà phê vối hảo hạng là vấn đề giá cả, thị trường tiêu thụ cà phê hảo hạng đang tăng lên. Một số đông người thích uống cà phê thuộc lớp người có thu nhập trung bình, biết thưởng thức hương vị cà phê nhưng lại yêu cầu giá phải chăng. Mà cà phê vối thông thường là rẻ hơn cà phê chè. Như thế, tạo ra cơ hội cho việc phát triển cà phê vối ngon mà giá lại rẻ hơn cà phê chè ngon và lại tạo ra một nhóm khách hàng tiêu dùng mới.

Bên cạnh những thị trường tiêu thụ cà phê truyền thống, chiếm thị phần lớn trên thế giới, chúng ta cần quan tâm đến các thị trường tiềm năng mới. Xin nêu số liệu tiêu thụ cà phê ở các thị trường tiềm năng qua 2 năm 2000 và 2009. (Bảng 2)

Nếu chúng ta có hoạt động tiếp thị tốt hơn thì đây có thể là những thị trường tốt, có triển vọng cho cà phê robusta Việt Nam.Vậy để nâng cao chất lượng cà phê Robusta, cà phê sẽ được xử lý, thu hái chế biến ra sao?

Cần quan tâm một số vấn đề sau:

Về hái cà phê. Ai cũng biết để có cà phê ngon phải hái quả cà phê đã chín. Nhưng do cấu trúc của chùm quả cà phê vối nên việc lựa chọn hái quả chín là khó khăn. Quả cà phê vối nhỏ hơn quả cà phê chè. Ở một chùm quả mọc chen chúc đến 40 – 60 quả. Cuống cà phê vối bám chặt vào cành nên rất khó hái riêng từng quả. Yêu cầu hái cà phê lựa chọn quả chín (selective picking) là khó thực hiện nên thường người ta tuốt cả cụm (stripping).

Trong khi yêu cầu chế biến quả chín để nâng cao chất lượng thì thường người ta hái cả quả xanh, chín cùng một lượt. Để giải quyết vấn đề này, người ta chọn lọc cà phê sau khi hái về bằng cách tách trong thùng chứa nước để quả chín nặng chìm xuống dưới và gạn quả xanh ra để phơi khô. Nhiều nơi với các chủ vườn có diện tích nhỏ hái cà phê về dùng biện pháp thủ công để lựa quả chín ra một bên và quả xanh lẫn quả khô một bên.

Bảng 1. Sản lượng cà phê arabica và robusta trên thế giới

Đơn vị: ngàn bao (60kg/bao)

Các năm	2006	2007	2008	2009
Tổng sản lượng cà phê ở một số nước chủ yếu	**129.138**	**119.396**	**128.183**	**123.564**
Trong đó:				
Cà phê arabica				
- khối lượng:	80.674	73.016	78.721	**73.324**
- %:	62,47	61,15	61,41	**59,34**
Cà phê robusta				
- khối lượng:	48.465	46.380	49.462	**50.241**
- %:	**37,53**	**38,85**	**38,59**	**40,66**

Nguồn: ICO

Bảng 2. Tiêu thụ cà phê tại một số thị trường

Đơn vị: ngàn bao (60kg/bao)

	Năm 2000	Năm 2009	Tăng trưởng hàng năm %
Tổng số 1	**5.744**	**22.500**	**3,6**
Liên bang Nga	1.863	3.131	**5,3**
Algieria	1.779	2.066	**1,5**
Hàn Quốc	1.244	1.551	**2,2**
Ukraina	179	1.460	**23,4**
Australia	832	1.223	**3,9**
Thổ nhĩ kỳ	291	521	**6,0**
Croatia	327	366	**1,1**
Tunisia	**174**	**289**	**5,2**

Nguồn: ICO

Để tiết kiệm công lựa sau khi hái, người ta có thể đổi giống trồng mới, giống mới là những dòng cà phê vối chọn lọc có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh và quả chín tập trung như các dòng cà phê vối TR4, 5, 6, 7, 8 do WASI giới thiệu.

Về chế biến. Người ta thường áp dụng phương pháp chế biến ướt cho cà phê arabica. Tuy nhiên, Ấn Độ từ lâu đã đi tiên phong trong việc áp dụng chế biến ướt với cà phê robusta, và đến nay là nước đi đầu trong việc cung cấp cà phê robusta chế biến ướt cho thị trường thế giới và là nước thứ 5 sản xuất cà phê robusta sau Việt Nam, Indonesia, Uganda và Brasil.

Cà phê vối so với cà phê chè có một lớp nhớt bám chặt hơn, khó đánh sạch. Tỷ lệ cà phê xanh hái ra ở cà phê vối cao hơn cà phê chè, và thông thường người ta hái cà phê vối ít đợt hơn cà phê chè. Và khi hái cũng có nhiều quả quá chín hơn cà phê chè.

Như thế cần phải chọn riêng quả xanh, quả quá chín trước khi xát tươi. Những loại quả xanh hay quá chín cần được phơi khô theo phương pháp chế biến khô. Còn quả chín đúng tầm được xát tươi áp dụng phương pháp chế biến ướt. Trong chế biến ướt vì lớp nhớt dày hơn ở cà phê chè nên khó lấy ra, quá trình lên men phải dài hơn ở cà phê chè.

Trước tình hình trên, người ta áp dụng phương pháp chế biến khô là tiện nhất cho cà phê vối. Tuy nhiên áp dụng phương pháp chế biến ướt có thể cho chất lượng cao hơn và thực tế ở nhiều nơi người ta ưa dùng cà phê vối chế biến ướt. Làm thế nào để có thể áp dụng phương pháp chế biến ướt với cà phê vối? Có thể giải quyết vấn đề trên như sau:

1. Hái cà phê về phải chọn quả xanh và quả quá chín riêng ra để phơi.

2. Quả cà phê vối chín đưa ra xát tươi và đánh nhớt không dùng nước rửa sau đó phơi khô. Cà phê vối thóc khô có chất lượng cao hơn và thời gian phơi ngắn hơn.

Người ta sử dụng máy xát tươi kết hợp đánh sạch nhớt và tiết kiệm nước kiểu Becolsub của Colombia hay thiết bị của Brasil.

Theo Surendra Kotecha nhà nông học cố vấn của các tổ chức EU, ICO, ITC, 4C và WB thì người ta có thể so sánh đánh giá cà phê robusta sản xuất tại Tây Nguyên trong đó có cà phê vối có xuất xứ địa lý Buôn Ma Thuột có chất lượng không thua cà phê arabica loại tự nhiên (Natural coffee) của Brasil. Nếu đúng như thế quả là một điều đáng mừng và chúng ta cũng cần phải đổi mới cách nhìn với cà phê robusta. Cà phê robusta không thể mang mãi cái hình ảnh xấu trong thế giới tiêu dùng cà phê. Hướng đi của những quốc gia sản xuất cà phê robusta như Việt Nam, Indonesia, Ấn Độ…là sản xuất mặt hàng cà phê vối hảo hạng hay cà phê vối đặc biệt.

Trong lịch sử những nước đầu tiên sản xuất cà phê hảo hạng đều sản xuất từ cà phê arabica. Cách đây chừng mười năm cà phê hảo hạng được xuất khẩu từ Costa Rica hoặc Guatemala chỉ có một vài trăm bao. Ngày nay các nhà xuất khẩu và phân phối cà phê đặc biệt đã đạt đến mức đa dạng, cung cấp từ cà phê chè của tất cả các nước và với nhiều chủng loại hơn, và có cả nguồn gốc cà phê robusta và với những hương vị đặc biệt vốn có của cà phê vối. Chúng ta có thể sản xuất cà phê vối đặc biệt, hảo hạng vì một lí do là giá cả. Về thị trường cà phê hảo hạng phát triển nó đã tăng lượng những người yêu chuộng cà phê thuộc tầng lớp có thu nhập trung bình, họ không chỉ quan tâm hương vị mà cũng quan tâm đến giá cả. Vì cà phê vối luôn luôn rẻ hơn cà phê chè do đó người ta có thể sản xuất cà phê vối tốt với giá không tốn kém bằng cà phê chè. Ngay trước khi có câu chuyện cà phê hảo hạng, cà phê đặc biệt thì ở nhiều thành phố lớn nhất của Mỹ người ta đã giới thiệu chào bán các loại cà phê vối bên cạnh cà phê chè với các tên "cà phê gió mùa"của Ấn Độ, cà phê WIB và nó không có nghĩa là xếp vào loại cà phê loại hảo hạng hay là chào một loại cà phê kém hơn.

Các nhà sản xuất cà phê vối cần nắm bắt lấy cơ hội sản xuất cà phê hảo hạng. Tháng 9 năm 2002, nhân dịp hội chợ triển lãm và hội thảo Trà và cà phê châu Á tại Kuala Lampua Malaysia, người ta đã tổ chức hội thảo công bố việc thành lập liên minh thế giới Cà phê robusta hảo hạng (World Alliance of gourmet Robusta; WAGRO) trước các nước xuất khẩu cà phê robusta lớn nhất là Việt Nam, Indonesia, Thailand…, đang sản xuất vào khoảng hai phần ba tổng sản lượng cà phê của các nước này.

Việc cà phê được đánh giá là hảo hạng (gourmet) hay đặc biệt (specialty) là mong muốn của người sản xuất muốn sản phẩm của mình được bán giá cao hơn, nó đòi hỏi những cố gắng nhiều hơn của nhà sản xuất để làm ra sản phẩm có chất lượng cao hơn. Về định nghĩa cà phê đặc biệt là gì? Theo Hiệp hội cà phê đặc biệt Hoa Kỳ thì đó là loại cà phê không có khuyết tật và có một đặc tính khác rõ rệt ở cốc cà phê. Còn theo sàn giao dịch hàng hóa Ethiopia thì cà phê đặc biệt được xác định từ một nguồn gốc địa lý, nó có một giá trị đặc biệt hơn các loại cà phê thương mại khác dựa vào chất lượng

cao của cốc cà phê và những thuộc tính đặc biệt mà nó có. Và ở đây nội dung sản xuất, ngoài những vấn đề về nông nghiệp, giống cà phê, kỹ thuật chăm sóc… người ta quan tâm đến các khâu thu hái, sơ chế (ở nông trại) và chuẩn bị cho xuất khẩu.

Như thế chúng ta có thể tin tưởng rằng cà phê robusta Việt Nam, cà phê robusta Tây Nguyên cà phê có chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột chế biến ướt có thể thâm nhập thị trường cà phê hảo hạng. Cà phê robusta hảo hạng đã được sản xuất đã chứng tỏ tính ưu việt của nó với mặt hàng và chất lượng cà phê chè, tuy không bằng cà phê arabica nhưng cũng có sức quyến rũ như cà phê arabica. Giống như cà phê arabica, cà phê vối hảo hạng có thể được sản xuất với một số nguồn gốc không phải là tất cả. Nó cần được xác nhận, có chọn lọc, hái cẩn thận, tách riêng quả chín và chế biến đúng cách và cuối cùng là xúc tiến, tiếp cận thị trường. Những điều đó hoàn toàn phù hợp với khả năng sản xuất của ta, của cà phê mang thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột và của cà phê Tây Nguyên nói chung.

Các tác giả bản dự thảo quy hoạch phát triển ngành cà phê Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã có nhận định rất đúng đắn là Tây Nguyên là địa bàn trọng điểm phát triển cà phê của cả nước và phải xây dựng địa bàn trọng điểm phát triển cà phê ở vùng Tây Nguyên gồm 4 tỉnh: Đaklak, Lâm Đồng, Gia Lai và Đaknông. Đó là nơi có điều kiện sinh thái thích hợp cho cây cà phê sinh trưởng phát triển đạt năng suất và chất lượng cao.

Việt Nam là nước sản xuất cà phê lớn trên thế giới, hàng năm sản xuất ra khoảng 18 triệu bao cà phê trong đó 95% là cà phê robusta. Lượng tiêu thụ trên thị trường nội địa hàng năm khỏang dưới 1 triệu bao, còn lại là cà phê xuất khẩu. Như vậy, cà phê vối Việt Nam chiếm một thị phần đáng kể trên thị trường thế giới. Có thể xem một số số liệu trong bảng sau (Bảng 3)

Với một sản lượng lớn như trên rõ ràng chúng ta phải có chiến lược tiêu thụ sản phẩm bảo đảm có hiệu quả cao. Bên cạnh chủ trương khuyến khích sự tiêu dùng trong nước, mở rộng thị trường nội địa như Brasil đã làm, mở rộng sản xuất các loại cà phê rang, cà phê hòa tan. Chúng ta phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm theo hướng sản xuất mặt hàng cà phê vối hảo hạng cung cấp ra thị trường thế giới. Một ưu thế của cà phê vối Việt Nam là hầu hết được sản xuất trên các tỉnh Tây Nguyên là nơi có điều kiện sinh thái có thể trồng cà phê cho chất lượng cao. Đây cũng là nơi có thể phát triển sản xuất cà phê vối hảo hạng, cung cấp cho thị trường thế giới.

Bảng 3. Sản lượng cà phê vối của các khu vực trên thế giới và của Việt Nam

Đơn vị: ngàn bao (60kg/bao)

Năm	2006	2007	2008	2009
Tổng số	**48.465**	**46.380**	**49.462**	50.241
Trong đó: châu Phi	7.828	7.840	7.891	**7.076**
Châu Á và châu Đại dương	30.694	27.161	30.523	**32.048**
Mexico và Trung Mỹ	135	125	131	**140**
Nam Mỹ	9.808	11.253	10.917	**10.976**
Riêng Việt Nam	19.310	16.437	18.450	**17.940**
Thị phần của Việt Nam	**39,8**	**35,4**	**37,3**	**35,7**

Nguồn: ICO

Nông dân Colombia chống chọi với sâu bệnh cho cà phê
Ảnh: Corbis

Tổng quan

Thị trường cà phê thế giới niên vụ 2009/2010 và triển vọng 2010/2011

Ảnh: Corbis

Tổng Quan

Giống như giá của nhiều loại hàng hóa khác, giá cà phê đã tăng khá mạnh trong năm 2010. Mặc dù vậy, mức giá cao đã tồn tại trong suốt 2 năm qua, nhất là với cà phê robusta. Điều này hàm ý rằng có thể giá cà phê vẫn ở mức thấp hơn so với các loài đồ uống khác. Giá nguyên liệu tăng đã khiến các nhà chế biến cà phê phải gia tăng lượng cà phê robusta trong quá trình pha trộn. Công nghệ tiên tiến trong những năm gần đây có thể giúp họ thực hiện điều này mà không làm mất đi hương vị của các loại cà phê hảo hạng.

Ước tính sơ bộ sản lượng cà phê thế giới trong năm 2010/11 được công bố trong tháng 12 là 139,4 triệu túi, tăng so với mức 124,7 triệu túi vào năm 2009/10 do mức tăng thêm khoảng 10 triệu túi từ Brazil và 1 triệu túi từ Việt Nam và Columbia.

Châu Mỹ La Tinh

Brazil. Tổng sản lượng cà phê của Brazil trong niên vụ 2009/10 (từ tháng 4 năm này sang tháng 3 năm sau) là 44,8 triệu túi - đạt mức kỉ lục trong các năm trái vụ. Nước này đạt mức xuất khẩu kỉ lục 30,5 triệu túi, cao hơn so với mức 30,3 triệu túi năm trước đó mặc dù khoảng 30% sản lượng mùa vụ bị thiệt hại do mưa bất thường diễn ra trong suốt thời kì thu hoạch, làm ảnh hưởng đến chất lượng hạt cà phê.

Mặc dù thời tiết không thuận lợi, nhưng mùa vụ 2010/11 với năng suất cao theo chu kỳ thu hoạch 2 năm 1 lần sẽ giúp cho cà phê Arabica đạt 54,7 triệu tấn và robusta đạt 13,1 triệu tấn. Tuy nhiên, số liệu ước tính này mới chỉ dựa theo dữ liệu xuất khẩu.

Tình trạng khô hạn cũng được dự đoán diễn ra trong niên vụ 2011/12 do hiện tượng La Nina gây ra, đặc biệt tại vùng miền nam Brazil trong thời kì trổ bông, đặc biệt đây là thời điểm rất cần tưới nước cho cây để chuẩn bị cho chu kì sinh trưởng tiếp theo, tuy nhiên cây cà phê vẫn có thể hồi phục lại sau khi bị khô héo. Do đó, số liệu của Conab cho thấy Brazil sẽ đạt được vụ thu hoạch trái vụ 2011/12 lớn nhất trong thập kỉ qua khi việc thu hoạch được bắt đầu từ cuối tháng tư hoặc đầu tháng 5. Theo dữ liệu ước tính chính thức được công bố vào ngày mùng 6 tháng 1 là khoảng từ 41,9 triệu túi đến 44,7 triệu túi.

Brazil vẫn là nước tiêu thụ cà phê lớn thứ 2 trên thế giới chỉ sau Hoa kỳ với mức tiêu thụ trên 19 triệu túi trong niên vụ 2010, trên một nửa trong đó là cà phê robusta hòa tan. Nhu cầu trong nước hiện nay ngày càng tăng với khoảng 5%/năm và theo các báo cáo chính thức của nước này cho thấy Brazil sẽ vượt Hoa Kỳ về tiêu dùng cà phê trong năm 2014.

Kể từ tháng 1, Brazil bắt đầu áp dụng các tiêu chuẩn bắt buộc về chất lượng cà phê chế biến tại các cửa hàng để giúp kích thích việc tiêu thụ. Các quy định mới này sẽ bổ sung thêm các tiêu chuẩn về hương vị, và độ axit được các nhà thẩm định chất lượng đưa ra.

Colombia. Thời tiết vẫn là thách thức đối với sản lượng cà phê của Colombia trong niên vụ 2009/10 vì hạn hán kéo dài chỉ kết thúc vào tháng tư. Kết quả, sản lượng 8,1 triệu túi giảm nhẹ so với mức 8,7 triệu túi năm trước.

Sản lượng cà phê của Comlombia được dự đoán sẽ tăng nhẹ trong niên vụ 2010/11, phụ thuộc vào sự cố gắng của người trồng để khắc phục tình trạng sâu bệnh phá hoại đã gây ra rất nhiều thách thức cho họ trong 2 vụ qua. Tuy nhiên, 60.000 ha các khu vườn mới được trồng hi vọng sẽ cho thu hoạch trong niên vụ 2010/11. Colombia là nước sản xuất cà phê hảo hạng với quy mô lớn cung cấp cho các thị trường đặc sản và là cơ sở chính cung cấp cà phê Arabica cho các hợp đồng trên sàn Newyork.

Khối lượng xuất khẩu cà phê Colombia trong niên vụ 2009/10 là 7,2 triệu túi, trong đó mức tiêu thụ trong nước là 1,2 triệu túi. Theo một số báo cáo, các nhà xuất khẩu đang gặp một số khó khăn trong việc vận chuyển hàng hóa đến cảng do nhiều tuyến đường bị ách tắc và lở đất do mưa lớn gây ra. Việc thúc đẩy tiêu thụ trong nước đã khiến mức tiêu thụ hàng năm tăng lên mức 2,6 kg trên đầu người, tăng 300,000 túi/năm. Do tình hình sâu bệnh và cây quá già đã khiến cho các cơ quan chức năng đã bắt đầu khởi động chương trình trồng mới để thay

thế 300,000 ha-chiếm 1/3 diện tích hiện thời và bổ xung 200,000 ha diện tích trồng để đưa sản lượng lên mức 14 triệu tấn/năm trong năm 2014.

Peru. Niên vụ 2009/10 là năm trái vụ đối với Peru, do đó, sản lượng giảm từ 4,2 triệu túi xuống còn 3,3 triệu túi so với niên vụ trước. Sản lượng trong niên vụ 2010/11 ước tính sẽ đạt 3,7 triệu túi. Peru vẫn là nhà xuất khẩu cà phê hữu cơ lớn nhất và việc xuất khẩu sang Hoa Kỳ và Đức vẫn đang tăng mạnh trong năm 2010. Theo nguồn thông tin chính thức, tổng khối lượng xuất khẩu trong niên vụ 2010 là 3,6 triệu túi. Tiêu thụ trong nước chiếm tỉ lệ không đáng kể.

Châu Á

Việt Nam. Sản lượng cà phê niên vụ 2009/10 của Việt Nam là khoảng 18,6 triệu túi, cao hơn mức 18,3 triệu túi của niên vụ 2008/09 do mưa lớn diễn ra trong suốt thời kì trổ bông và thu hoạch đã gây thiệt hại và giảm sản lượng mùa vụ.

Chỉ có 1/3 trong 3,3 triệu túi được đưa vào kho dự trữ theo chương trình dự trữ quốc gia trong niên vụ 2009/10. Hiệp Hội Cà Phê và Ca Cao Việt Nam muốn tăng thêm thành 8,3 triệu tấn trong niên vụ 2010/11. Vào tháng 12, khoàng 5 triệu túi sẽ được đưa vào dự trữ trong suốt thời kì thu mua 2011. Tuy nhiên, do việc chế biến, kiểm tra và giải ngân chậm của các quỹ sẽ khiến cho mục tiêu này khó đạt được như trong năm 2010.

Khối lượng xuất khẩu trong niên vụ 2009/10 đạt 17,9 triệu túi, cao hơn so với mức 17,4 triệu túi niên vụ trước và tiêu thụ trong nước được dự đoán tăng nhẹ lên 1,1 triệu túi. Các dữ liệu hiện nay của Vicofa dự đoán sản lượng năm 2010/11 là 16,5 triệu túi do thời tiết nóng và khí hậu khô hạn, thấp hơn 1 triệu túi so với niên vụ 2009/10. Mùa vụ 2010/11 được dự đoán đạt mức tối thiểu bằng sản lượng năm trước bởi vì việc thu hoạch vụ mùa mới luôn được hoàn thành vào đầu tháng 1.

Giá cà phê Việt Nam gần đây đã đạt mức cao nhất trong vòng 2 năm qua do mức dự trữ thấp và mối lo ngại về tình hình thời tiết ẩm có thể ảnh hưởng tới sản lượng mùa vụ 2010/11. Tuy nhiên, giá cao đã khiến người nông dân bắt đầu thu hoạch vụ mới từ rất sớm để tranh thủ mức giá cao mặc dù cà phê hiện nay vẫn chưa chín đều gây ảnh hưởng đến chất lượng cà phê.

Indonesia. Indonesia là nước sản xuất cà phê robusta đứng thứ 3 trên thế giới chỉ sau Việt Nam và Brazil với tổng sản lượng là 10 triệu túi trong niên vụ 2009/10 (từ tháng 3 năm nay sang tháng 4 năm sau), tăng cao hơn so với mức 9,4 triệu túi của niên vụ trước, trong đó có tới 9 triệu túi là cà phê robusta. Diện tích gieo trồng tăng được dự đoán sẽ giúp tăng sản lượng tuy nhiên đợt khô hạn do hiện tượng Elnino cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả này.

Mưa lớn vào đầu năm đã ảnh hưởng đến vụ mùa 2010/11 và sản lượng cà phê được dự đoán sẽ giảm 10%. Tuy nhiên, việc gia tăng diện tích trồng cùng với sự chuyển dịch lớn từ việc trồng ca cao sang trồng cà phê do việc áp dụng đánh thuế ca cao ở mức cao khiến sản lượng cà phê có thể tăng cao hơn mức dự đoán. Mùa vụ bị chậm lại 1 tháng do tình hình thời tiết xấu nhưng nhờ vào các điều kiện công nghệ tiên tiến hiện nên sản lượng vụ mùa 2010/2011 dự báo sẽ đạt 9,4 triệu túi. Indonesia cần sản xuất ít nhất 10 triệu túi/năm để đáp ứng nhu cầu trong nước ở mức 2 triệu tấn và mức xuất khẩu 8 triệu tấn. Nước này cũng có xu hướng tăng giá trị xuất khẩu bằng cách tăng thị phần Arabica từ 15% hiện nay lên 20%.

Ấn Độ. Sản lượng cà phê của Ấn Độ đạt khoảng 4,8 triệu túi trong niên vụ 2009/10, cao hơn so với mức 4,4 triệu túi trong niên vụ trước. Mưa lớn tại Karnataka có thể gây ảnh hưởng đến 70% sản lượng cà phê. Tuy nhiên, những số liệu sơ bộ về niên vụ 2010/11 cho thấy niên vụ này có thể đạt 5 triệu túi do mưa đúng lúc tại các khu vực sản xuất chính.

Xuất khẩu cà phê của Ấn Độ trong niên vụ 2009/10 là 3,9 triệu túi, tăng so với mức 3 triệu trong túi niên vụ trước đó. Tiêu thụ nước này được dự đoán tăng lên mức 1,75 triệu túi so với mức 1,76 triệu túi của vụ trước do nhu cầu cà phê tăng tại các thành phố lớn. Tuy nhiên, mức này vẫn rất thấp, mới chỉ đạt khoảng 100 gram/người/năm. Mặc dù vậy, tiêu dùng cà phê trogn nước đã chiếm 1/3 tổng sản lượng, tăng so với mức 1/5 của 5 năm trước đây. Như vậy sẽ phải mất rất lâu để cà phê Ấn Độ có thể chiếm ưu thế trong ngành đồ uống của nước này.

Mexico và Trung Mỹ

Mexico đã sản xuất 4,2 triệu túi cà phê (150.000 túi là cà phê robusta) trong niên vụ 2009/10, giảm so với mức 4,6 triệu túi trong niên vụ 2008/09 và thấp hơn rất nhiều so với ước tính trước đó do mưa lớn và thời tiết giá lạnh tại các vùng cao gây thiệt hại lớn đến mùa vụ. Tuy nhiên, chính phủ nước này vẫn muốn thúc đẩy sản xuất cà phê robusta và đang kết hợp với Nestle nhằm để trở thành một trong những nhà sản xuất cà phê hòa tan lớn nhất thế giới vào năm 2013 vì điều này cho phép tận dụng các loại cà phê với mức giá thấp hơn từ người nông dân do chất lượng không đồng

Ảnh: Corbis

đều. Niên vụ của phê năm 2010/11 của Mexico được dự đoán cũng sẽ cho sản lượng khoảng 4,2 triệu túi.

Thời tiết khô hạn và gió lớn trong tháng 1 đã khiến cho dự đoán về sản lượng tại **Costa Rica** giảm nhẹ xuống còn 1,4 triệu túi so với 1,5 triệu túi niên vụ trước. Triển vọng cho niên vụ 2010/11 cũng không khả quan hơn khi những ước tính sơ bộ ban đầu là 1,6 triệu túi đã giảm liên tục xuống còn 1,4 triệu túi do mưa lớn và các vấn đề sâu bệnh.

El Salvador sản xuất 1,1 triệu túi trong năm 2009/10, giảm so với 1,4 triệu túi trong năm trước đó. Vụ thu hoạch đã bị chậm lại một thời gian dài và chỉ bắt đầu vào giữa tháng 1 thay cho tháng 10 hàng năm. Thời tiết lạnh giá đã làm giảm 18% sản lượng của nước này. Triển vọng cho niên vụ 2010/11 là khoảng 1,5 triệu túi.

Sản lượng cà phê của **Guatemala** trong niên vụ 2009/10 là 3,6 triệu túi, giảm so với 3,8 triệu túi niên vụ trước do ảnh hưởng của đợt không khí lạnh đã làm ảnh hưởng đến vụ mùa. Cơn bão nhiệt đới Agatha vào tháng 5 và đợt lở đất nguy hiểm do mưa lớn vào tháng 9 có thể gây cản trở đến việc xuất khẩu vào đầu vụ 2010/11. Mặc dù vậy, sản lượng niên vụ 2010/2011 được dự báo sẽ không giảm quá thấp và có thể đạt 3,7 triệu túi. Nước này cũng đang phải đối phó với việc buôn lậu cà phê, ước tính có khoảng 770.000 túi bị mất hàng năm.

Sản lượng cà phê niên vụ 2009/10 tại **Honduras** đã tăng lên 3,6 triệu túi so với 3,4 triệu túi trong niên vụ 2008/09. Nước này cũng bị ảnh hưởng bởi thời tiết lạnh sớm hơn so với các nước khác trong khu vực nhưng những dự đoán ban đầu cho thấy sản lượng niên vụ 2010/11 sẽ đạt khoảng 3,8 triệu túi. Khối lượng xuất khẩu là 3,2 triệu túi trong niên vụ 2009/10 và dự kiến là 3,5 triệu túi trong niên vụ 2010/11.

Nicargagua được mùa cà phê niên vụ 2009/10 với mức kỉ lục 2 triệu túi so với mức 1,7 triệu túi niên vụ trước đó. Xuất khẩu tăng khoảng 200.000 túi lên mức 1,8 triệu túi. Dự báo sơ bộ cho niên vụ 2010/11 sẽ giảm khoảng 10% do ảnh hưởng của bão Agatha đến hầu hết các vùng trong nước này.

Động đất tại **Haiti** đã gây ảnh hưởng trầm trọng đến vụ mùa cà phê,

Ảnh: Corbis

thiệt hại ước tính khoảng 350.000 túi. Khoảng 15% dân số trong 9 triệu người dân nước này phụ thuộc vào cây cà phê và coi nó như là nguồn thu nhập chính cũng như là nguồn thu ngoại tệ quan trọng của họ. Sau 1 thập kỉ với hàng loạt các cơn bão xảy đến, sản lương cà phê của nước này đã giảm hơn 1 nửa so với mức 800,000 túi 20 năm trước đây.

Panama, nhà sản xuất nhỏ hơn với sản lượng khoảng 150.000 túi mỗi năm và đã giành được hợp đồng vào tháng 5 để bán cho Nhật Bản với khối lượng 400 pound ở mức giá 170,2 đô/pound, cao hơn 100 lần so với giá cà phê Arabica trung bình.

Châu Phi

Tổng sản lượng cà phê tại Châu phi giảm từ 14,5 triệu túi trong niên vụ 2008/09 xuống còn 12,7 triệu túi trong niên vụ 2009/10. Trong đó khoảng 6 triệu túi là cà phê robusta và 7 triệu túi là Arabica, giảm so với mức 7,5 triệu và 7,2 triệu túi trong niên vụ 2008/09. Hai nhà sản xuất robusta đứng đầu châu lục này là Bờ Biển Ngà và Uganda, chiếm khoảng 60% sản lượng trong tổng số. Trong khi đó Ethiopia chiếm 64% sản lượng Arabica. Ước tính ban đầu cho thấy sản lượng cà phê của toàn châu Phi niên vụ 2010/11 sẽ là 14,1 triệu túi.

Ethiopia sản xuất 4,5 triệu túi Arabica trong niên vụ 2009/10, tăng so với 4,2 triệu túi niên vụ trước do thời tiết thuận lợi. Khối lượng xuất khẩu của nước này cũng đã tăng lên 2,9 triệu túi so với 1,9 triệu túi trong năm trước đó. Niên vụ 2010/2011 được dự báo sẽ đạt khoảng 4,5 triệu túi. Mặc dù vậy, bệnh xỉn lá tại vùng sản xuất chính tại phía đông có khả năng làm giảm sản lượng.

Sản lượng tại **Kenya** đã giảm xuống còn 500.000 túi trong niên vụ 2009/2010 so với mức 600.000 túi trong niên vụ trước. Nguyên nhân chính là mưa trái vụ diễn ra sớm đã gây ảnh hưởng đến mùa vụ cùng với đợt hạn hán kéo dài trong niên vụ 2008/09. Các đợt mưa trái vụ cùng với đợt lạnh kéo dài giữa năm 2010 có thể ảnh hưởng đến sản lượng niên vụ 2010/11. Hiện tượng xỉn lá cũng vẫn gây ra rất nhiều những thách thức cho cà phê của Kenya. Tuy nhiên, sản lượng niên vụ này vẫn dự đoán đạt mức 600.000 túi.

Uganda đã vượt qua Kenya để trở thành nước sản xuất cà phê Arabica lớn thứ hai trong khu vực trong niên vụ 2009/10 với sản lượng đạt 715.000 túi. Tổng sản lượng cà phê của Uganda trong niên vụ 2009/10 đạt 2,7 triệu túi, giảm so với mức 3,2 triệu túi trong niên vụ trước do thời tiết khắc nghiệt diễn ra tại phía đông và nam nơi các vườn cà phê robusta đang phát triển. Sâu đục thân cũng diễn ra và gây ảnh hưởng đến sự phát triển của cây trồng. Các cây trồng thay thế cũng không thể chống trọi lại được với các loại sâu bệnh này và rất nhiều cây trồng trong đó đã bị tái nhiễm bệnh. Tổng khối lượng xuất khẩu trong niên vụ 2009/10 là 2,7 triệu túi, giảm so với mức 3,1 triệu túi. Triển vọng niên vụ 2010/11 được dự báo sẽ tăng nhẹ, đạt khoảng 3 triệu túi.

Sản lượng cà phê tại **Tanzania** bị

ảnh hưởng lớn do thời tiết khắc nghiệt trong năm 2010. Sản lượng 2009/10 giảm mạnh xuống còn 667.000 túi, so với 1,1 triệu túi của niên vụ trước. Sản lượng niên vụ 2010/11 được dự báo sẽ tăng lên 1 triệu túi.

Vào giữa năm 2010, một hiệp định giữa 5 thành viên trong hội đồng Đông châu phí (EAC) đã được ký nhằm tạo điệu kiện tự do vận chuyển hàng hóa qua các nước Burduni, Kenya, Rwanda, Tanzania và Uganda mà không bị đánh thuế. Nhờ vậy, việc vận chuyển cà phê đến các cảng Mombasa và Dar es Salaam đã được đẩy mạnh. Uganda, Kenya và Tazania cũng đang lên kế hoạch tăng sản lượng lên trong vòng 5 năm tới.

Sản lượng cà phê của **Bờ Biển Ngà** giảm mạnh trong niên vụ 2009/10 xuống còn 1,6 triệu túi, giảm mạnh so với mức 2,2 triệu túi trong niên vụ trước. Mức giảm giá mạnh trong nước cũng khiến người trồng chuyển sang các loại cây khác và khiến cho hàng loạt vườn cà phê bị bỏ hoang. Sản lượng trong niên vụ 2010/11 đươc dự đoán tăng trở lại mức 2,2 triệu túi. Tuy nhiên, với những bất ổn về chính trị và xung đột có nguồn gốc từ cuộc bầu cử vào tháng 11 vừa qua đã và sẽ ảnh hưởng đến ngành ca cao và cà phê của nước này.

Sản lượng cà phê tại **Camarun** đã giảm xuống còn 760.000 túi trong niên vu 2009/10 so với mức 802.000 túi trong niên vụ trước. Nước này đang có mục tiêu thúc đẩy doanh thu bằng cách xây dựng các nhà máy chế biến riêng để cải tiến hương vị và tăng giá bán tại Hoa Kỳ và Châu Âu. Chính phủ nước này đang có kế hoạch tăng sản lượng lên hơn 2 triệu túi trong đó 1,67 triệu túi robusta và 417.000 túi Arabica vào năm 2015, và bắt đầu cung cấp hỗ trợ người trồng vật tư đầu vào và giống năng suất cao cùng với các hỗ trợ kĩ thuật khác. Ước tính sản lượng 2010/11 là 850.000 túi.

Tiêu thụ

Nhu cầu tiêu dùng cà phê thế giới chỉ tăng khoảng 9% trong niên vụ 2009/10 lên 129,7 triệu túi. Tuy nhiên, số liệu này vẫn chưa thể hiện hết nhu cầu từ các nước nhập khẩu vì các nước sản xuất, tiêu biểu như Brazil vẫn tiếp tục ra tăng thị phần lên 28% trong tổng sản lượng (tăng so với 27% trong niên vụ 2008/09). Một số các nước sản xuất đã triển khai thành công chương trình xúc tiến thương mại trong nước để ra tăng nhu cầu trong nước và giảm sự phụ thuộc vào biến động giá thế giới.

Tổng nhu cầu từ 2 nước nhập khẩu lớn nhất là Hoa Kỳ và EU trong niên vụ 2009/10 không thay đổi nhiều so với niên vụ trước do Hoa Kỳ giảm khoảng 1 triệu túi nhưng EU lại tăng nhu cầu lên mức kỷ lục 43,5 triệu túi. Nhu cầu nhập khẩu từ Nga cũng tăng hơn so với mức giảm trong niên vụ 2008/09. Trong khi đó, nhập khẩu từ Nhật Bản lại giảm khoảng 600.000 túi.

Tình suy thoái kinh tế thế giới dường như vẫn chưa ảnh hưởng nhiều tới tổng nhu cầu cà phê mặc dù giá đã tăng cao hơn vào 6 tháng cuối năm 2010. Tuy nhiên, báo cáo gần đây của ICO cho thấy nhu cầu cà phê "dường như đã đạt đến mức bão hòa tại nhiều quốc gia nhập khẩu lớn". Những khách hàng có mức thu nhập khá hơn tìm kiếm những loại cà phê chất lượng tốt hơn và sẵn sàng chi trả với mức giá cao hơn. Điều này cho thấy sự thành công liên tiếp của các thị trường cà phê đặc sản và có thương hiệu. Điều này cũng hàm ý rằng, như đã nói ở trên, cà phê vẫn là mặt hàng có mức giá thấp so với các mặt hàng đồ uống khác.

Tổ chức cà phê quốc tế

Nhà sản xuất cà phê lớn và đóng vai trò quan trọng nhất- Brazil vẫn từ chối thông qua hiệp định mở rộng Tổ chức cà phê quốc tế (ICO) vì cho rằng hiệp định này chưa rõ ràng. Nước này vẫn chỉ thể hiện vai trò rất nhỏ của mình trong Tổ chức cà phê quốc tế và như vậy những cơ hội để giúp tổ chức này đóng vai trò trụ cột trên thị trường cà phê thế giới vẫn còn rất nhiều thách thức.

Giám đốc điều hành của ICO, Nestor Osorio đã từ xin từ chức sau 8 năm giữ vị trí quan trong này để trở thành đại sứ của Columbia làm việc tại Liên Hợp Quốc từ ngày 1 tháng 11. Cho đến khi người kế vị lên thay, nhiệm vụ của giám đốc điều hành tổ chức này sẽ do ông Jose Sette, một người Brazil cùng với phó giám đốc điều hành đảm nhiệm.

Trong lịch sử từ trước đến nay, ông Osorio là người duy nhất không phải là người Brazil nắm giữ vị trí quan trọng của ICO và điều này có thể đã khiến Brazil không sẵn sàng để thông qua hiệp định mở rộng tổ chức này. Trong tổng số 4 quan chức đứng đầu, trong đó có Settle được chỉ định thay thế người tiền nhiệm Osorio, tất cả đều là người Brazil.

Triển vọng

Tổng sản lượng cà phê thế giới trong năm 2010/11 được dự báo sẽ đạt mức cao, khoảng 139,4 triệu túi mặc dù thời tiết xấu. Giá cà phê Arabica vẫn sẽ ở mức khoảng 2 đô/pound mặc dù khối lượng xuất khẩu tại Brazil đang tăng mạnh. Ba quốc gia sản xuất đứng đầu là Brazil, Việt Nam và Columbia đều được dự đoán sẽ có một mùa vụ bội thu với mức kỉ lục 54,7 triệu túi. Mặc dù vậy, sản lượng cà phê phụ thuộc nhiều vào thời tiết, đây cũng chính là vấn đề lớn trong năm 2010 và ngày càng trở nên khó dự báo. Nhu cầu tiêu thụ cà phê ước đạt 131 triệu túi. Mặc dù có mức thặng dư tương đối cao, tuy nhiên, nguồn cung khá căng thẳng khi tại hầu hết các nước sản xuất, mức dự trữ còn khá thấp.

(Nguồn: F.O.Licht's International Coffee Report, January 11, 2011, Vol. 25, No. 15, pp. 214-218)

Biên dịch: Trần Bình

Lối thoát nào cho xuất khẩu cà phê Việt Nam ?

Nguyễn Đình Bích

Trước hết, thật là khó tin khi chỉ mới có khoảng 10 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mới đang lập các đại lý thu mua cà phê trực tiếp của nông dân ở các địa bàn trọng điểm như Đắc lắc, Đắc nông, Lâm đồng và Gia lai trong năm nay mà đã thu mua được khoảng 60% lượng cà phê trong nước, bởi như thực tế cho thấy, việc xây dựng mạng lưới kinh doanh là khó khăn muôn thuở đối với bất cứ doanh nhân nào.

Tuy nhiên, lời cảnh báo về hành vi trái pháp luật Việt Nam của những doanh nghiệp này có thể dẫn tới "bức tử" các doanh nghiệp trong nước đang hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu cà phê của giới chức xuất khẩu cà phê trong nước lại có cơ sở rất vững chắc. Sở dĩ như vậy là bởi hai lẽ:

Về phía các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu cà phê trong nước, "gót chân Asin" của họ chính là giá xuất khẩu cà phê quá thấp so với giá thế giới, cho nên giá thu mua cà phê của nông dân cũng phải thấp hơn nữa, cho nên trở thành mảnh đất quá ư màu mỡ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực này tại Việt Nam trong hàng chục năm qua. Hơn thế, ở thời điểm hiện tại, cho dù giá cà phê xuất khẩu cao ngất ngưởng, nhưng do cạnh tranh mua đã đẩy giá thu mua của nông dân cao ngất ngưởng, lãi suất vốn vay cao ngất ngưởng cũng đẩy các doanh nghiệp trong nước kinh doanh xuất khẩu cà phê vào thế hết sức bất lợi.

Trong khi đó, ngược lại, với tiềm lực tài chính chắc chắn mạnh hơn hẳn, lãi suất huy động USD lại thấp "một trời một vực" so với VND và việc điều chỉnh tăng rất mạnh tỷ giá USD/VND vừa qua đã tạo lợi thế "kép ba" cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh trong lĩnh vực này. Không những vậy, lợi thế "vĩnh cửu" của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà các doanh nghiệp trong nước không bao giờ có được chính là nằm trong chuỗi của các tập đoàn kinh doanh cà phê danh tiếng toàn cầu có bề dày lịch sử đáng nể.

Do vậy, chắc chắn là các nhà quản lý sẽ không thể "thờ ơ" với những thông tin này để ngăn chặn "từ xa" nguy cơ bị các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lũng đoạn thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam.

Tuy nhiên, nếu xảy ra kịch bản cấm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này, thì đây hoàn toàn chỉ là giải pháp nhất thời "chữa cháy", chứ không phải là "trị bệnh từ gốc".

Nói là nhất thời là bởi lẽ, theo lộ trình gia nhập WTO, ngay như mặt hàng nông sản chiến lược gạo, Việt Nam cũng đã mở cửa cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vào kinh doanh xuất khẩu trong năm nay, cho nên chắc chắn là cũng không thể cấm mãi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào khâu kinh doanh xuất khẩu cà phê.

Còn nói không phải là cách "trị bệnh từ gốc" là bởi căn bệnh xuất khẩu cà phê với giá quá rẻ chính là "căn bệnh kinh niên" của các doanh nghiệp trong nước từ hàng chục năm nay, mà cấm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp thu mua cà phê để xuất khẩu chính là dung dưỡng cho căn bệnh này kéo dài thêm và cũng có thể nặng thêm. Điều này cũng có nghĩa là sẽ tiếp tục hy sinh không chỉ quyền lợi của quốc gia, mà cả quyền lợi của nông dân sản xuất cà phê hiện nay đa phần vẫn là quy mô nhỏ, vốn ít, ít hiểu biết và không có kinh nghiệm thương trường, cho nên là những người "yếu thế" nhất trong toàn bộ dây chuyền sản xuất, kinh doanh xuất khẩu và chế biến cà phê.

Có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng, lâu nay những quyền lợi bị hy sinh này là những con số rất đáng kinh ngạc, thậm chí có thể bị "choáng".

Đó là, thay vì chỉ đạt được 51,5% giá bình quân của thế giới trong 10 năm 2000 - 2009, nếu giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam đẩy lên được mức trung bình 61,3% đã đạt được trong ba năm 2003, 2004 và 2006, thì tổng kim ngạch xuất khẩu gần 9,5 triệu tấn cà phê sẽ không chỉ là 10,067 tỷ USD như thực tế, mà là xấp xỉ 12 tỷ USD, tức là tăng được 1,9 tỷ USD và 18,9%.

Hơn thế, nếu đẩy lên được mức giá vào loại khá đã đạt được năm 2007 (70,3%), tổng kim ngạch xuất khẩu khối lượng cà phê khổng lồ nói trên sẽ đạt 13,725 tỷ USD, tức là tăng được 3,66 tỷ USD và 36,3%. Đặc biệt, nếu đạt được mức "đỉnh" 76,1% mà năm 2008 các doanh nghiệp Việt Nam đã

đạt được thì tổng kim ngạch xuất khẩu thu được sẽ "khuyếch đại" lên 14,87 tỷ USD, tức là tăng được 4,8 tỷ USD và 47,7%.

Trong đó, nếu như mức "đỉnh" năm 2008 là điều khó có thể đạt được, bởi giá bình quân trong 10 năm qua của quốc gia có bề dày sản xuất và xuất khẩu cà phê robusta hơn Việt Nam ba thập kỷ cũng chỉ là 72,4% giá bình quân của thế giới, nhưng việc đẩy lên mức trung bình 61,3% đã đạt được là trong tầm tay, còn việc đẩy lên ngưỡng 70% cũng là điều hoàn toàn có thể đạt được.

Tất cả những điều nói trên có nghĩa là, công đầu trong việc đạt được thành tựu "ngôi á Hậu" trong "làng xuất khẩu cà phê thế giới" không ai khác chính là nông dân Việt Nam, nhưng phần lợi ích mà họ được hưởng quá nhỏ, còn các thương nhân Việt Nam, tuy cũng đã góp công không nhỏ trong việc giành vinh quang đó, nhưng phần lợi ích thu được trong xuất khẩu cà phê có lẽ cũng không lớn, mà phần lớn đều chui vào túi các thương nhân nước ngoài.

Do vậy, mục tiêu trong việc "giải bài toán" xuất khẩu cà phê của Việt Nam hiện nay bảo vệ lợi ích quốc gia, trong đó có lợi ích của cả nông dân lẫn của doanh nghiệp xuất khẩu trong nước.

Theo đó, nếu chọn giải pháp loại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ra khỏi cuộc chơi hiện nay, tức là giành lại quyền tổ chức thu mua trực tiếp cà phê của nông dân cho các doanh nghiệp trong nước như kiến nghị của giới chức kinh doanh xuất khẩu cà phê là giải pháp dễ nhất.

Thế nhưng, như đã nói ở trên, nếu phục hồi nguyên trạng thì như thực tế cho thấy, lợi ích hoàn toàn chính đáng không chỉ của nông dân, mà cả của quốc gia đều bị tổn hại nghiêm trọng.

Do vậy, phải chăng tiền đề không thể thiếu để áp dụng giải pháp này là phải tìm kiếm và kiên quyết áp dụng các giải pháp tạo ra sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước hoạt động trong khâu thu mua trực tiếp cà phê của nông dân, cũng như những "rào cản" để khắc phục tình trạng xuất khẩu cà phê với giá quá thấp ra thị trường thế giới? Rõ ràng, đây là những "miếng võ" mà các nhà quản lý cũng phải nhanh chóng tìm ra, bởi lợi ích của nông dân và của quốc gia cũng là những lợi ích không thể bị bỏ qua như hiện nay và chẳng chóng thì chầy thị trường xuất khẩu cà phê của Việt Nam cũng phải mở cửa cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vào đầu tư kinh doanh giống như thị trường xuất khẩu gạo.

Thế nhưng, xét trên bình diện tổng thể, những giải pháp nói trên cũng chỉ giải quyết được vấn đề nóng nhất, nhưng cũng chỉ là "phần nổi của tảng băng" cà phê "Made in Vietnam" hiện nay. Bởi lẽ, như tính toán nói ở trên, với bình quân gần 1 triệu tấn cà phê xuất khẩu mỗi năm, nếu đẩy được giá lên mức trung bình 61,3% giá thế giới mà Việt Nam đã đạt được, kim ngạch bình quân mỗi năm thu được cũng chỉ là 1,2 tỷ USD/năm, còn nếu đẩy lên được ngưỡng 70%, thì con số này cũng chỉ là 1,37 tỷ USD/năm.

Trong khi đó, các số liệu thống kê của thế giới cho thấy, lợi ích thu được qua phát triển công nghiệp chế biến cà phê còn lớn hơn rất nhiều. Đó là, trong những năm sốt nóng giá cà phê thế giới như các năm 1988 và 2007, thì giá của nông sản thô này cũng chỉ bằng 36,3% và 35,7% giá cà phê hoà tan trên thị trường thế giới, còn trong những năm hiếm hoi xảy ra tình trạng khủng hoảng cách đây đã hơn 1/4 thế kỷ (1984 - 1986) giá của nông sản thô này tăng đại nhảy vọt lên 40,7 - 48,9% giá cà phê hoà tan, thì trong những năm dài còn lại, gía cà phê nhân chỉ dao động xung quanh mức 25%, thậm chí dưới ngưỡng 20%, còn bình quân trong 10 năm gần đây cũng chỉ đạt 29%.

Rõ ràng, những thực trạng nói trên cho thấy, giá cà phê nhân xuất khẩu của quốc gia càng bèo bao nhiêu thì khả năng và cơ hội phát triển công nghiệp chế biến cà phê của các quốc gia đó càng lớn bấy nhiêu. Do vậy, tích hợp cả hai điều kiện giá và sản lượng cà phê nhân, Việt Nam có điều kiện thuận lợi hơn bất cứ quốc gia nào trên thị trường thế giới trong việc phát triển công nghiệp chế biến cà phê, bởi nguồn nguyên liệu khổng lồ với giá rẻ hiếm có.

Do vậy, phải chăng khuyến khích gia tăng mạnh vốn đầu tư, kể cả vốn đầu tư nước ngoài vào phát triển công nghiệp chế biến cà phê mới là hướng đi chủ đạo của Việt Nam, bởi lợi ích "kép bốn" mà nó đem lại chắc chắn là không hề nhỏ. Đó là, vừa "giải được bài toán" nhức nhối giá cà phê xuất khẩu quá "bèo bọt" hiện nay, vừa góp phần không nhỏ vào việc nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm "Made in Vietnam" trên thị trường thế giới, vừa góp phần khắc phục tình trạng nhập siêu vẫn còn rất nghiêm trọng hiện nay và vừa tạo công ăn việc làm cho một bộ phận trong lực lượng lao động hùng hậu của nước ta mà khu vực nông nghiệp đang ngày càng bị quá tải.

Hẳn nhiên đây là hướng đi không hề đơn giản, bởi chen chân được vào thị trường cà phê chế biến mà các tập đoàn đa quốc gia thống trị từ rất nhiều thập kỷ nay là điều rất khó, nhưng có lẽ vẫn là hướng đi có tính khả thi vào loại bậc nhất, bởi đây chính là lĩnh vực mà cho đến nay Việt Nam có cả hai tiền đề quan trọng bậc nhất và cũng thuận lợi bậc nhất trong phát triển công nghiệp chế biến: nguồn nguyên liệu dồi dào bậc nhất và giá cũng rẻ bậc nhất./.

Giá của 5 quốc gia xuất khẩu cà phê nhiều nhất so với giá bình quân thế giới (%)

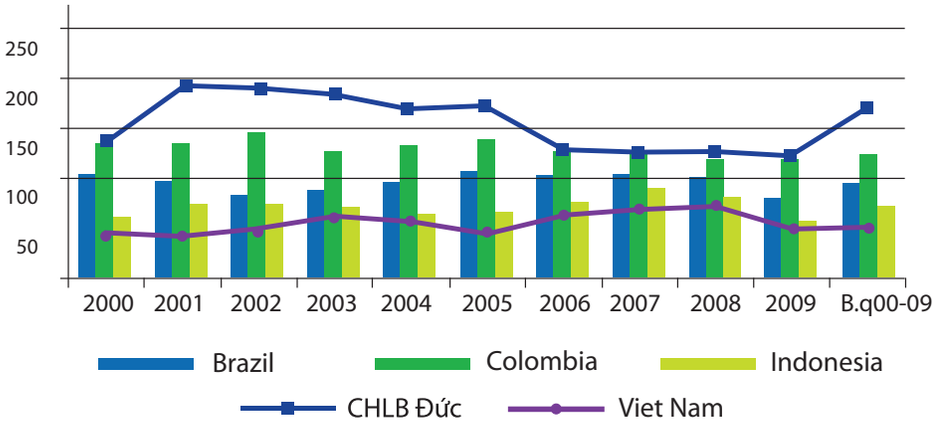

Một vườn ươm giống cây cà phê tại Lào
Ảnh Trần Lê

ĐẦU TƯ CÀ PHÊ SANG LÀO

Thuận lợi về tài nguyên - Khó khăn về nguồn vốn

Trần Lê

Theo ông Đoàn Thọ Nam, tham tán kinh tế-văn hóa Việt Nam tại Lào, với số lượng dự án và vốn đầu tư vào Lào tăng lên nhanh chóng, Việt Nam đã vươn lên hàng đầu trong số các nước đầu tư tại Lào. Điển hình như dự án thủy điện Xêcamản 3 (tập đoàn Sông Đà) và các dự án của những tập đoàn Than-Khoáng sản, Công nghiệp cao su Việt Nam, Viễn thông quân đội (Viettel)…Tuy nhiên, cũng theo ông Nam, lĩnh vực khai thác tài nguyên ngày một cạnh tranh gay gắt, vốn đầu tư đòi hỏi lớn, điều kiện đầu tư ngày một khó hơn. Giữa quí 1 năm 2011, trong chuyến đi khảo sát đầu tư cà phê tại Lào của tập đoàn Thái Hòa, cùng với công ty tư vấn đầu tư APEC và một công ty tài chính lớn, chúng tôi đã nhìn ra những yếu tố thuận lợi bên cạnh vướng mắc về tài chính cần được tháo gỡ, để hoạt động đầu tư cà phê mang lại hiệu quả xứng tầm.

Xuyên qua những cánh rừng bạt ngàn, lặng lẽ bao bọc lác đác bản dân cư thưa thớt từ Thà Tèng của tỉnh Sekong lên cao nguyên Boloven của tỉnh Champasak, vượt quốc lộ 18 giáp ranh Attapư, là gặp ngay huyện Paksong ở độ cao trên 1.300-1.600 mét, có khí hậu giống như Đà Lạt. Tại đây, từ hàng chục năm nay, nhiều công ty cà phê của Việt Nam đã đến khai thác hàng nghìn hecta, trong đó có Thái Hòa.

Đắc Lắc là tỉnh có diện tích cà phê robusta lớn nhất Đông Dương, nhưng không nơi nào ở Việt Nam có được diện tích trồng cà phê arabica lớn và thuận lợi như ở Thà Tèng và nhất là Paksong của cao nguyên Boloven, bởi thế người ta gọi Paksong là thủ phủ cà phê của Lào, được người Pháp trồng từ đầu thế kỷ 20. Hiện nay, ngoài những nông trường cà phê arabica của các nhà đầu tư Việt Nam, Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Pháp, Canada, Trung Quốc, Singapore…theo công nghệ và kỹ thuật hiện đại, thì người dân ở đây vẫn trồng cà phê arabica ở vùng cao, trồng cà phê robusta ở vùng thấp, nhưng do kém đầu tư nên năng suất không cao, tuy nhiên vẫn được khách hàng quốc tế ưa chuộng vì là cà phê sạch. Đặc biệt trồng cà phê ở đây chi phí thấp do không phải tưới nước vào mùa khô, vì chỉ kéo dài có 2-2,5 tháng, vẫn có mưa rải rác và nhất là luôn luôn có khí hậu ẩm ướt, mát mẻ. Ông Nguyễn Văn An, chủ tịch HĐQT-TGĐ tập đoàn Thái Hòa, nhà xuất khẩu cà phê arabica số 1 Việt Nam, đánh giá chính xác lợi thế cà phê ở Paksong và Sepol : « Vùng cà phê Paksong có qui mô diện tích lớn lên đến 50.000-100.000 ha, có tiềm năng để xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, cho nên nhiều nước đã đến đầu tư. Chất lượng cà phê arabica ở đây ngang bằng hoặc cao hơn so với ở Đà Lạt, được đánh giá tương đương với cà phê Nam Mỹ, hơn nữa bà con ở đây có tập quán hái cà phê quả chín, nên chúng tôi đã xây dựng nhà máy chế biến ướt tại Paksong đạt hiệu quả mong muốn. Cà phê ở Sepol giáp vùng cà phê Khe Sanh, huyện Hướng Hóa (Quảng Trị), có điều kiện sinh thái, đất đai thích hợp với cà phê arabica, đặc biệt không có sương muối, không có gió khô nóng, nhiệt độ ngày đêm chênh nhau 10-12 độ C, lại có quốc lộ 9 chạy qua, gần cửa khẩu quốc tế Lao Bảo. Trong tương lai gần, cùng với khu thương mại Lao Bảo, thì Sepol sẽ trở thành đầu mối quan trọng trên tuyến đường xuyên Á nối Việt Nam với Lào, Thái Lan và Myanmar. Do khí hậu Sepol tốt hơn Khe Sanh, ở độ cao 650-750 m so với mực nước biển, có tầng canh tác dày đất phù sa và đất bazan, có điều kiện cơ giới hóa, trang thiết bị chế biến, chi phí thấp hơn so với Paksong, diện tích cà phê ban đầu có thể là 5.000 ha. Nhìn chung, vùng cà phê Lào mà Thái Hòa đầu tư vào (Paksong và Sepol) có nhiều lợi thế hơn vùng cà phê Lâm Hà (Lâm Đồng) hay Mường Ảng (Điện Biên) ». Thuận lợi nữa là, nhà nước Lào có chính sách đầu tư bình đẳng, đầu tư vào Sepol còn được hưởng chính sách đầu tư ưu đãi vào vùng đặc biệt khó khăn, theo quyết định 482 của Chính phủ Lào, sản phẩm đưa về Việt Nam dễ dàng để chế biến.

Tại Champasak, tập đoàn Thái Hòa được giao 2.000 ha và đã trồng 300 ha cà phê arabica từ 2 năm nay, tuy còn trong giai đoạn kiến thiết cơ bản nhưng cà phê phát triển tốt, chỉ có 1%-2% diện tích phải trồng lại do bị lũ

quét và sương muối táp một vạt nhỏ, trông thấy 2 năm tới sẽ cho vụ thu đầu tiên có sản lượng ban đầu 8-10 tấn/ha. Từ năm 2005, Thái Hòa đã thành lập công ty Thái Hòa Việt-Lào (THV) ở đây để thu mua cà phê mang về chế biến tại các nhà máy chế biến ướt và chế biến khô đặt tại Khe Sanh. Đến năm 2007, THV bắt đầu xây dựng nhà máy chế biến ướt, mùa 2010 đã chế biến được 1.000 tấn cà phê nhân. Nếu thu xếp tốt được tài chính, nhà máy này có thể mở rộng sản lượng chế biến lên đến 2.000-2.500 tấn/năm. Do cà phê arabica ở Lào có chất lượng hảo hạng và đậm đà, uống để lại dư vị ngọt, nên thay thế được cà phê Nam Mỹ, dễ dàng vào cả thị trường châu Âu và Nhật Bản. Tập đoàn Marubeni (Nhật Bản) hợp tác với THV có kinh nghiệm chế biến và tập đoàn Đào Hương có tiềm năng tài chính tại Boloven. Hiện tại ở Paksong chỉ có THV và công ty cà phê của công chúa Thái Lan trồng cà phê theo qui trình công nghiệp, thu hái bằng máy, còn các nước khác chủ yếu đầu tư trồng nguyên liệu, chưa xây nhà máy, theo đúng qui định của Lào là phải có vùng nguyên liệu và làm ra cà phê nhân xuất khẩu thì mới được xây nhà máy chế biến. Marubeni dự định đầu tư 2,5-2,7 triệu USD toàn bộ nhà máy chế biến khô trên diện tích, còn Thái Hòa đầu tư vào vườn cà phê, sau đó THV sẽ trả dần hàng năm bằng sản phẩm cà phê. Ngoài ra, THV đang bàn thảo với Marubeni dự án trị giá 70 triệu USD (8-10 triệu USD cho hoàn thiện hệ thống nhà máy chế biến công nghệ hiện đại nhất, trên diện tích 15 ha, công suất hoàn thiện dự kiến 50.000 tấn/năm, và 60 triệu USD cho đầu tư 5.000 h cà phê). THV cũng là doanh nghiệp cà phê đầu tiên và duy nhất hiện nay ở Boloven sản xuất phân vi sinh từ vỏ cà phê, cung cấp từ 30% đến 100% phân vi sinh cho một số công ty trong tập đoàn. Marubeni dự định đầu tư 50 tỉ đồng cho THV sản xuất phân vi sinh để bán lại cho Marubeni, cũng như tiêu thụ sản phẩm cà phê arabica của Thái Hòa.

Cả nước chiếm 5% cà phê arabica của thế giới và tập đoàn Thái Hòa chiếm 90% sản lượng cà phê arabica của Việt Nam, cho nên từ lâu Thái Hòa đã là nhà xuất khẩu arabica số 1 Việt Nam, chiếm 60% tổng lượng xuất khẩu arabica của cả nước, đồng thời mỗi năm còn xuất khẩu 150.000 tấn cà phê robusta. Tỉ suất lợi nhuận của cà phê robusta là 2%-3%, trong khi tỉ suất lợi nhuận của arabica là 40%. THV còn là nhà cung cấp cà phê nguyên liệu chất lượng cao cho cà phê hòa tan Hightland. Cho đến nay, Thái Hòa là doanh nghiệp duy nhất ở Việt Nam hoạt động theo mô hình khép kín từ khâu trồng nguyên liệu, thu mua đến chế biến, xuất khẩu cà phê nhân và cà phê thành phẩm. Tập đoàn có 8 nhà máy chế biến cà phê nhân và 4 nhà máy chế biến cà phê quả tươi đang hoạt động, với tổng công suất chế biến 500.000 tấn cà phê nhân/năm, có 15 công ty thành viên trên cả nước và ở Lào, có văn phòng thương mại tại Thụy Sĩ và văn phòng đại diện tại Nam Ninh (Trung Quốc). Các sản phẩm của tập đoàn đang xuất khẩu sang 20 nước, chủ yếu vào các thị trường kỹ tính như Mỹ, Nhật Bản, EU. Năm 2010, Thái Hòa đạt hơn 3.000 tỉ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế trên 100 tỉ đồng. Năm 2011, cùng lợi thế giá cà phê tăng mạnh, Thái Hòa bắt đầu kết chuyển lợi nhuận từ một số dự án 10.000 ha cà phê arabica đã đầu tư ở Điện Biên, Hòa Bình, Quảng Trị, Champasak. Ngoài cà phê, tại Mường Nòong (Sepol) Thái Hòa còn một công ty cao su, đã trồng 300 ha trong diện tích 6.000 ha được Lào giao cho, trồng bằng giống mới và theo công nghệ ghép mắt, nên cao su 18 tháng đang phát triển rất tốt, sau 2 năm rưỡi nữa sẽ có thể thu hoạch vụ đầu, ước tính năng suất 1,7-2,2 tấn mủ khô,v.v.

Đầu tư cà phê vào Lào là hướng đi đúng của tập đoàn Thái Hòa, nhất là vùng cà phê Sepol giáp với các nhà máy chế biến của tập đoàn ở Khe Sanh và Lao Bảo, các vùng cà phê có điều kiện phát triển bền vững do thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Nhưng do cùng thời gian phải đầu tư hàng loạt công trình, từ mở rộng diện tích lên hàng trăm nghìn ha, dự án nhà máy cà phê hòa tan, đến xây dựng nhiều nhà máy phân vi sinh, nhất là củng cố bộ máy quản lý, Thái Hòa đang đứng trước nhiều thách thức. Thách thức lớn nhất là tập đoàn mất cân đối về nguồn vốn. Từ chỗ chỉ thuần túy làm thương mại, mua bán cà phê theo kiểu « lấy ngắn nuôi dài », qui mô vốn nhỏ cỡ 200-300 tỉ đồng, Thái Hòa chuyển quá nhanh sang lĩnh vực sản xuất, chế biến, nên đan xen các nguồn vốn ngắn hạn với dài hạn có lúc lên tới hàng nghìn tỉ đồng, khiến cho khả năng quản lý nguồn vốn trở nên phức tạp, có thể vượt quá tầm kiểm soát của chủ doanh nghiệp. Bởi vậy, trước mắt cần phải có một giám đốc tài chính giàu kinh nghiệm quản lý và có bản lĩnh. Cùng với đó là cần có sự điều chỉnh tốc độ phát triển hài hòa, không nên ồ ạt dàn hàng ngang triển khai nhất loạt tất cả các công trình, chẳng hạn nên chậm lại xây dựng nhà máy cà phê hòa tan, vì theo lộ trình WTO, có thể nhiều công ty cà phê danh tiếng nước ngoài sẽ đầu tư xây dựng nhà máy như thế tại Việt Nam - nước đứng thứ nhất thế giới về cà phê robusta dùng làm nguyên liệu cho cà phê hòa tan.

Đầu tư cà phê thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thuộc vào loại rất dễ rủi ro nhưng cũng dễ cho thu nhập cao, như vụ cà phê năm 2011 được giá bất thường, nên đòi hỏi phải có suất đầu tư cao khoảng trên dưới 20 triệu đồng/ha. Đầu tư hàng nghìn, hàng vạn ha cà phê, rõ ràng cần nguồn vốn vô cùng lớn, khó mà có được đầy đủ cùng một lúc, cho nên không nên rải mành mành vốn ở tất cả mọi nơi. Việc thực hiện qui trình chăm sóc cà phê ở Lào còn đòi hỏi phải công phu hơn nhiều, vì nhân công tại chỗ chưa có thói quen lao động công nghiệp và giá công lao động cũng cao như ở Việt Nam, cho nên nhiều doanh nghiệp đã phải chở công nhân Việt Nam sang làm ở Lào theo lối luân phiên, thời vụ, chi công gấp rưỡi ở trong nước, đội giá thành. Đấy là chưa kể, dù Thái Hòa đã thực hiện đúng cam kết hỗ trợ nông dân về giống, kỹ thuật, phân bón, vốn, trả lương đúng kỳ, để nông dân sẽ bán lại cà phê cho tập đoàn, song vẫn có huyện nông dân trộm tỉa hạt ngon, hạt tốt để bán ra ngoài, nên tập đoàn nhiều vụ không thu đủ số lượng và chất lượng. Trong lúc này, mục tiêu của Thái Hòa kiểm soát được 30% sản lượng cà phê của Việt Nam để « làm giá » với thị trường cà phê thế giới cũng khó trở thành hiện thực, vì thiếu nguồn tài chính rất lớn để lưu trữ hàng hóa khi giá cà phê thế giới lên hoặc xuống, thiếu mối liên kết giữa nông dân sản xuất với doanh nghiệp, với nhà tài chính và các nghiệp vụ tài chính. Chính sự yếu kém cố hữu này đã khiến cà phê Việt Nam dù đứng nhất nhì thế giới nhưng vẫn vô danh, tương tự hoàn cảnh của các ngành hàng gạo, chè, gỗ, da giày, may mặc…Khó khăn của Thái Hòa cũng là của nhiều doanh nghiệp khác, rất cần được các cơ quan quản lý nhà nước, nhất là cơ quan tài chính mạnh, chung tay tháo gỡ, hợp tác và đầu tư cùng có lợi./.

VÀI NÉT VỀ PHÁT TRIỂN CÀ PHÊ Ở BRASIL

Nguyễn Văn Huỳnh
Nguyên Đại sứ Việt Nam tại Brasil

Khi nói đến Brasil, điều đầu tiên mọi người sẽ nói đến là bóng đá, bởi nước này đã từng tham dự hầu hết các kỳ World Cup và cũng đã 5 lần vô địch bong đá thế giới. Cũng không thể không nói đến điệu nhảy Shamba làm say đắm lòng người, hay lễ hội Carnival - lễ hội hoá trang rực rỡ sắc màu và những điệu múa nồng nhiệt có một không hai, hay khu rừng nhiệt đới Amazone - lá phổi của trái đất, rồi ngôi tượng Chúa Jêsu khắc vào nền trời xanh ở Rio de Janeiro - một trong 7 kỳ quan nhân tạo của thế giới mới được bình chọn.

Brasil còn được biết đến là một trong năm nước thuộc nhóm BRICS - nhóm các nước đang phát triển có tiềm lực gồm Brasil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi. Brasil là một cường quốc ở khu vực Mỹ la tinh với diện tích (8514877 km2) và dân số (193,5 triệu người), đều đứng thứ 5 thế giới. Trong nhiều năm qua Brasil đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, GDP tăng hàng năm khoảng gần 6%. Năm 2010, GDP đạt 1573 tỷ USD đứng thứ 9 thế giới, ngoại thương đạt 350 tỷ USD. Các sản phẩm công, nông nghiệp của Brasil khá nổi tiếng, trong đó có Cà phê, loại cây trồng mà trong suốt hai thế kỷ 19-20 cũng như hiện nay có vai trò quan trọng đối với kinh tế nước này.

Cà phê có lịch sử "hành trình xuyên lục địa". Từ châu Phi nó sang các nước Ả rập, châu Âu rồi về châu Á và cuối cùng là Brasil và Mỹ la tinh. Câu chuyên cây cà phê đến Brasil gắn với một câu chuyên tình được sử sách ghi chép. Đó là năm 1727, vua Bồ Đào Nha Pedrro II đã cử đại tá Fransisco de Mello Palheta đến Ghi-nê (thuộc Pháp) để tìm cách lấy hạt và rễ cây cà phê đem đến Brasil trồng (lúc này Brasil còn là thuộc địa của Bồ Đào Nha). Lúc đầu ông đại tá gặp khó khăn và không thể "ăn cắp" được. Ông đã phải tiếp cận, quyến rũ vợ Toàn quyền Pháp tại Ghi-nê khi đó và đổi lại bà phu nhân đã giúp ông "ăn cắp" được hạt và rễ cây cà phê đem đến Brasil.

Lúc đầu cây cà phê ở Brasil được trồng tại thung lũng Paraiba, ngoại vi thủ đô trước đây là Rio de Janeiro. Cây cà phê phát triển nhờ khí hậu và nước cũng như thổ nhưỡng và những người trồng là những người nô lệ. Ngay từ thời đó, đã có tới 18 trang trại trồng cà phê. Ngày nay, nơi này đã trở thành khu du lịch nghỉ mát với rất nhiều khách sạn và nhà ở, dấu tích còn lưu lại là những cây cà phê cổ thụ.

Từ khi Brasil giành độc lập năm 1822, cà phê được khuyến khích mở rộng phát triển ra các khu vực khác từ Rio đến Sao Paulo và các bang miền Nam. Ngay từ năm 1825, cà phê Brasil đã đạt sản lượng 25.854 bao, năm 1828 đạt 43.555 bao. Năm 1893, cà phê Brasil được giới thiệu ra thế giới từ Kenia và Tanzania, sau đó tới châu Âu. Năm 1901 sản lượng đã đạt 16,5 triệu bao. Ngày nay, cà phê Brasil, chủ yếu là cà phê chè, đã được toàn thế giới biết đến.

Trong thế kỷ 19 và suốt nửa đầu thế kỷ 20, cà phê trở thành một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của Brasil, và chiếm 50% xuất khẩu cà phê thế giới. Nhưng từ những năm 1960 trở lại đây, nhiều nước đã trồng cà phê, sản lượng cà phê của Brasil mặc dù vẫn duy trì cao nhưng chỉ còn chiếm khoảng 1/3 tổng sản lượng của thế giới. Năm 2010 sản lượng cà phê Brasil đạt 48 triệu bao tăng 19% so với năm 2009, xuất khẩu 28 triệu bao thông qua 136 công ty. Sản lượng cà phê Brasil trung bình chỉ đạt khoảng 2 tấn /ha/năm.

Giống cà phê của Brasil là loại cà phê có nguồn gốc từ nơi xuất phát của nó là Ethiopia. Đặc biệt, cây cà phê chè đã từ Ethiopi chuyển sang đảo Reunion, một thuộc địa của Pháp trước đây trên Ấn Độ dương. Khi đến Brasil, nó phát triển rất tốt có hương vị riêng đặc sắc bởi thổ nhưỡng, khí hậu ở đây và trở nên nổi tiếng với tên mà người ta quen gọi là giống cà phê "Bourbon", một tên khác của đảo Reunion. Hiện nay sản lượng cà phê chè chiếm khoảng 70% tổng sản lượng cà phê của Brasil.

Trước tình hình có thêm nhiều nước trồng cà phê, trong khi đó nhu

cầu tiêu dung cà phê của thế giới có tăng nhưng không nhiều, Brasil đã thực hiện chủ trương phát triển bền vững ngành cà phê. Đó là phát huy những yếu tố thuận lợi như thổ nhưỡng, đất đai rộng lớn, khí hậu tốt và đặc biệt là có chiến lược khuyến khích tiêu thụ trong nước.

Trước đây, nhiều nhà phân tích thị trường cà phê thế giới thường theo dõi xem trong năm cà phê của Brasil có bị sương muối không để ước tính sản lượng cà phê thế giới và định liệu việc cất giữ và cả giá cả. Hiện nay Brasil đã khắc phục được điều đó bằng quy hoạch chuyển vùng trồng cà phê từ các bang miền Nam đến ở vùng có thổ nhưỡng phù hợp là nơi có đất đỏ bazan do núi lửa phun nham thạch tạo thành. Đó là khu vực miền trung đất nước từ đông nam thủ đô Brasillia xuống miền Nam bang Minás Gerai kéo dài xuống các vùng thuộc bang Sao Paulo với chiều dài hàng nghìn km. Vùng đất này vừa có thổ nhưỡng tốt, khí hậu quanh năm ấm nóng khoảng 70 độ F (tương đương khoảng 20 độ C) lại là lưu vực của ba con sông lớn Amazone, Paraguay, Fransico. Khu vực này còn có mạng lưới giao thông khá thuận lợi, có hệ thông đường sắt và đường bộ dài hàng nghìn km từ thủ đô Brasilia xuống cảng Santos Sao Paulo, hải cảng lớn nhất Brásil. Hiện nay, ba vùng trồng cà phê lớn nhất Brasil là là Mogiano, ở giữa bang Sao Paulo và phía nam bang Minas, vùng miền nam bang Minas và vùng Cerado ở miền trung giữa Sao Paulo và Brassilia, nơi có diện tích trông cà phê lớn gấp ba lần bang Texax của Mỹ.

Để đảm bảo phát triển bền vững ngành cà phê , Brasil từ lâu đã chủ trương khuyến khích tiêu dùng trong nước, biến cà phê thành thứ “nước uống dân tộc”. Ở Brasil có cà phê công sở, các công sở đều phục vụ cà phê miễn phí, các siêu thị lớn cũng vậy và đến bất cứ nơi nào chúng ta cũng có thể được phục vụ cà phê miễn phí nêu được yêu cầu. Thậm chí trở thành bữa điểm tâm hàng ngày của người dân mà người ta đã đổi từ ăn sang thành từ uống cà phê buổi sáng. Chính vì vậy cho đến năm 2010 Brasil đã trở thành nước tiêu thụ cà phê lớn thứ 2 thế giới, sau Mỹ.

Ngoài hai biện pháp kể trên việc tăng cường các biện pháp tổ chức và quản lý kỹ thuật cũng được quan tâm. Nếu như trước đây chỉ có Trung tâm cà phê Brasil, một tổ chức độc quyền nắm giữ việc sản xuất, xuất khẩu cà phê đã hạn chế phần nào phát triển của ngành cà phê thì nay đã được thay thế bởi Hiệp hội cà phê Brasil, một tổ chức mở và khuyến khích sự phát triển đa dạng của ngành cà phê. Hiệp hội trở thành một nơi cung cấp, chia sẻ thông tin và trao đổi kinh nghiệp và hợp tác khá tốt đối với những nhà sản xuất cũng như xuất khẩu và tiêu thụ cà phê. Ngay Tổng thống Brasil cũng là người thường xuyên xuất hiện trước công chúng nhằm khuyến khích người trồng, xuất khẩu và uống cà phê. Các chương trình truyền hình mang tên “uống cà phê với Tổng thống”, “ uống cà phê với Thống đốc” được người xem rất chú ý.

Tỷ trọng của nông nghiệp trong nền kinh tế Brasil là 10% nên sản xuất cà phê của Brasil tuy sử dụng khá nhiều nhân công nhưng mức độ công nghiệp hóa sản xuất nghành cà phê của Brasil khá cao. Nghành công nghiệp cơ khí, nghành sản xuất phân bón, kho chứa rang xay phục vụ khá tốt cho nghành cà phê từ tưới nước, bón phân, thu hoạch. Các trang trại lớn thường có một hệ thống tưới tiêu hiện đại theo công nghệ tiết kiệm nước của Israel. Phân bón của Brasil dùng nhiều phân từ chế phẩm thực vật, có máy thu hoạch khá thuận lợi. Vào mùa thu hoạch cà phê từ tháng 4 đến tháng 9 hàng năm, trên những cánh rừng cà phê bạt ngàn được quy hoạch thuận lợi cho thu hoạch bàng máy, ta thường nghe thấy tiếng động cơ của các máy thu hoạch cà phê do Brasil sản xuất.

Tuy nhiên, là một nước có sản lượng cà phê lớn nhất thế giới và có lịch sử lâu đời, có nhiều nhãn hiệu cà phê được người dân ưa thích nhưng Brasil cũng phải thừa nhận họ chưa có một loại cà phê rang xay có thương hiệu thế giới như Néstle hay Starbuck. Tại phiên họp báo chuẩn bị cho lễ hội cà phê Đắc Lắc lần thứ 3 ngày 12 tháng Ba vừa qua tại Buôn Mê Thuột, Đại sứ Brasil tại Hà Nội đã nói: “Chúng tôi là nước đứng đầu thế giới về sản xuất và tiêu thụ cà phê nhưng cái chúng tôi còn thiếu đó là chưa thực sự có một nhãn hiệu cà phê mang thương hiệu thế giơi, những nơi không trồng cà phê như Tây Âu và Mỹ lại có những thương hiệu cà phê nổi tiếng và là những nơi có tiếng nói quyết định nhất trong việc định giá cà phê”. Thực tế kinh nghiệm phát triển cà phê nói trên của Brazil, cả thành công và chưa thành công, rất đáng để chúng ta suy ngẫm để có chính sách phát triển bền vững cà phê Việt Nam, nhất là khi Việt Nam và Brasil là hai quốc gia sản xuất hàng đầu thế giới loại cây trồng này.

NGHỊ QUYẾT 48/NQCP

Về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản

Ngày 23/9/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nghị quyết 48 quy định về cơ chế chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản. Những nội dung chủ yếu của chính sách bao gồm:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được vay vốn từ các tổ chức tín dụng với mức vốn vay 100% giá trị hàng hóa, hỗ trợ 100% lãi suất trong vòng 2 năm đầu, từ năm thứ 3 hỗ trợ 50% lãi suất vốn vay để mua sắm máy móc, thiết bị sản xuất trong nước có tỷ lệ nội địa hóa trên 60%.

Áp dụng lãi suất tín dụng đầu tư nhà nước theo Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua sắm máy móc, thiết bị giảm tổn thất sau thu hoạch

Đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư các dự án xây dựng kho dự trữ 4 triệu tấn lúa, ngô, kho lạnh bảo quản thủy sản (bao gồm cả kho lạnh trên các tàu đánh bắt thủy sản), rau quả và kho tạm trữ cà phê, ngoài việc được vay vốn tín dụng đầu tư nhà nước theo Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 và Nghị định số 106/2006/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP, được miễn tiền thuê sử dụng đất trong vòng 05 năm, kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động; được Nhà nước hỗ trợ 20% kinh phí giải phóng mặt bằng, 30% kinh phí để hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm đầu đi vào hoạt động và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Các Dự án chế tạo trong nước các loại máy canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, ngư nghiệp, các kho bảo quản phục vụ xuất khẩu thuộc danh mục các sản phẩm cơ khí trọng điểm giai đoạn từ 2009 đến 2015 được vay vốn tín dụng đầu tư theo Nghị định 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ.

Các dự án đầu tư vào lĩnh vực chế tạo máy móc nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch được hưởng chính sách đặc biệt ưu đãi đầu tư thuộc Nghị định số 108/2006/NĐ-CP.

Đối với các máy móc, thiết bị sản xuất nông nghiệp trong nước chưa chế tạo được hoặc chưa đáp ứng đủ nhu cầu được hưởng thuế suất nhập khẩu 0%.

Tổ chức, cá nhân thực hiện những dự án ứng dụng khoa học công nghệ về giảm tổn thất sau thu hoạch được hỗ trợ 50% chi phí chuyển giao công nghệ từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2008

sửa đổi, bổ sung Thông tư 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương Mại về Hướng dẫn thi hành Nghị định 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 về Quy đình chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của các doanh ngheiep có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

"3. Thực hiện quyền nhập khẩu:
..
3.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép thực hiện quyền nhập khẩu nhưng chưa có quyền phân phối không được lập cơ sở để phân phối hàng nhập khẩu."

Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 07 năm 2007

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 về Quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

"2. Thực hiện quyền xuất khẩu
…
2.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép thực hiện quyền xuất khẩu không được lập cơ sở để thu mua hàng xuất khẩu."

Giá xuất khẩu cà phê Việt Nam tại cảng Tp. HCM

VND/ Kg

Ngày	Giá FOB HCM (USD/tấn)	Ngày	Giá FOB HCM (USD/tấn)
29/1/11	1970	1/3/11	2195
30/1/11	1970	2/3/11	2195
1/2/11	2025	3/3/11	2205
2/2/11	2070	4/3/11	2260
3/2/11	2060	5/3/11	2270
4/2/11	2075	8/3/11	2280
5/2/11	1915	9/3/11	2340
8/2/11	1925	10/3/11	2435
9/2/11	2035	11/3/11	2380
10/2/11	2060	12/3/11	2285
11/2/11	2065	14/3/11	2285
12/2/11	2055	15/3/11	2225
14/2/11	2055	16/3/11	2235
15/2/11	2080	17/3/11	2270
16/2/11	2080	18/3/11	2150
17/2/11	2080	19/3/11	2315
18/2/11	2105	21/3/11	2335
19/2/11	2130	22/3/11	2355
21/2/11	2130	23/3/11	2335
22/2/11	2190	24/3/11	2300
23/2/11	2185	26/3/11	2340
24/2/11	2170	29/3/11	2315
25/2/11	2135	30/3/11	2305
28/2/11	2120	31/3/11	2315

Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Giá cà phê nhân xô thu mua tại một số địa phương

VND/ Kg

Ngày	ĐakLak	Lâm Đồng	Gia Lai	Đaknông
1/3/11	45900	45500	45800	45900
2/3/11	45500	45300	45300	45600
3/3/11	45300	45100	45200	45300
4/3/11	45600	45400	45500	45600
5/3/11	45800	45600	45700	45800
8/3/11	46100	46000	46000	46200
9/3/11	47200	47100	47100	47300
10/3/11	47800	47700	47700	47900
11/3/11	46900	46800	46800	46900
12/3/11	45400	45300	45300	45400
14/3/11	45400	45300	45300	45400
15/3/11	44700	44600	44600	44700
16/3/11	44500	44400	44400	44500
17/3/11	45700	45600	45600	45700
18/3/11	46900	46800	46800	46900
19/3/11	47000	46900	46900	47000
21/3/11	47100	47000	47000	47200
22/3/11	47700	47600	47600	47800
23/3/11	47300	47200	47300	47400
24/3/11	46800	46700	46800	46900
25/3/11	47300	47200	47300	47400
26/3/11	47600	47500	47600	47700
29/3/11	47300	47200	47300	47400
30/3/11	47300	47200	47300	47400
31/3/11	47600	47500	47600	47700

Nguồn: AGRODATA

Lượng và kim ngạch xuất khẩu cà phê niên vụ 2010 - 2011

Tháng	Khối lượng (tấn)	Kim ngạch (USD)
2/2010	76941	110270436
3/2010	122534	168028366
4/2010	117358	158066080
5/2010	99514	140805959
6/2010	94911	137022473
7/2010	89495	137537663
8/2010	77787	123411191
9/2010	57945	93060534
10/2010	57308	97372583
11/2010	68566	119791805
12/2010	163925	291578033
1/2011	145304	282794437
2/2011	144275	303146498

Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam

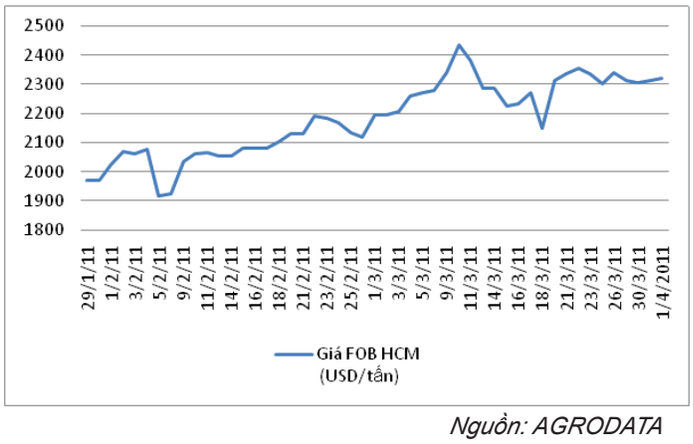

Nguồn: AGRODATA

Lượng và kim ngạch xuất khẩu cà phê niên vụ 2010 - 2011

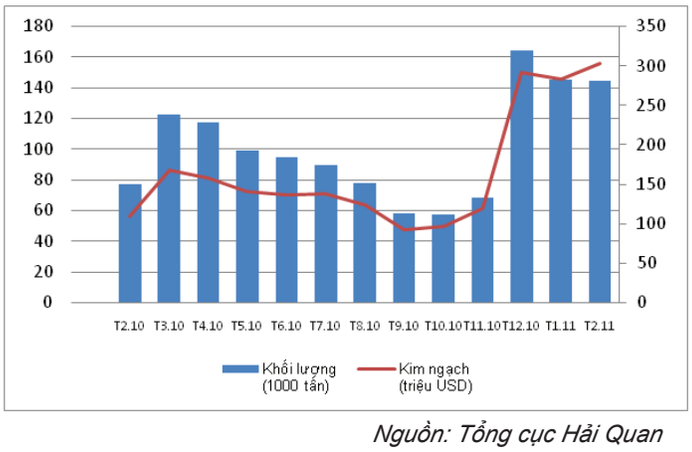

Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Giá cà phê nhân xô thu mua tại một số địa phương

VND/ Kg

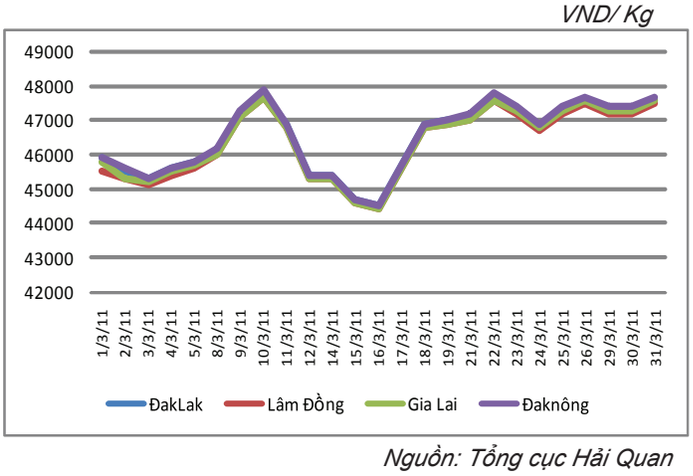

Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Giá cà phê kỳ hạn robusta tại sàn giao dịch London

USD / tấn

Ngày	tháng 3	tháng 5	tháng 7
1/3/11	2339	2384	2393
2/3/11	2337	2384	2397
3/3/11	2327	2363	2378
4/3/11	2335	2382	2397
5/3/11	2349	2390	2403
7/3/11	2349	2390	2403
8/3/11	2362	2403	2416
9/3/11	2420	2462	2473
10/3/11	2481	2557	2492
11/3/11	2465	2508	2475
12/3/11	2380	2421	2404
14/3/11	2380	2421	2404
15/3/11	2349	2390	2346
16/3/11	2338	2375	2333
17/3/11	2487	2389	2398
18/3/11	2615	2440	2453
19/3/11	2596	2436	2450
21/3/11	2596	2436	2450
22/3/11	2613	2453	2465
23/3/11	2569	2433	2444
24/3/11	2538	2401	2415
25/3/11	2569	2426	2439
26/3/11	2604	2442	2457
29/3/11	2561	2416	2432
30/3/11	2510	2405	2422
31/3/11	2524	2416	2430

Nguồn: AGRODATA

Giá cà phê kỳ hạn arabica tại sàn giao dịch NewYork

USD / tấn

Ngày	tháng 3	tháng 5	tháng 7
1/3/11	5977.4	5977.4	5988.4
2/3/11	5924.6	5924.6	5916.9
3/3/11	5929	5929	5905.9
4/3/11	6003.8	6003.8	6003.8
5/3/11	6003.8	6003.8	6023.6
7/3/11	6180.9	6180.9	6185.3
8/3/11	6216.1	6216.1	6223.8
9/3/11	6317.3	6317.3	6318.4
10/3/11	6476.8	6476.8	6464.7
11/3/11	6165.5	6168.8	6218.3
12/3/11	6021.4	6046.7	6088.5
14/3/11	6021.4	6046.7	6088.5
15/3/11	6009.3	6012.6	6057.7
16/3/11	5773.9	5784.9	5832.2
17/3/11	5837.7	5885	5927.9
18/3/11	5959.8	6008.2	6048.9
19/3/11	6076.4	6124.8	6166.6
21/3/11	6116	6164.4	6205.1
22/3/11	6094	6141.3	6182
23/3/11	6032.4	6077.5	6116
24/3/11	5909.2	5960.9	6003.8
25/3/11	5847.6	5901.5	5946.6
26/3/11	5909.2	5963.1	6009.3
29/3/11	5814.6	5869.6	5918
30/3/11	5769.5	5824.5	5858.6
31/3/11	5833.3	5889.4	5938.9

Nguồn: AGRODATA

Giá cà phê kỳ hạn robusta tại sàn giao dịch London

USD / tấn

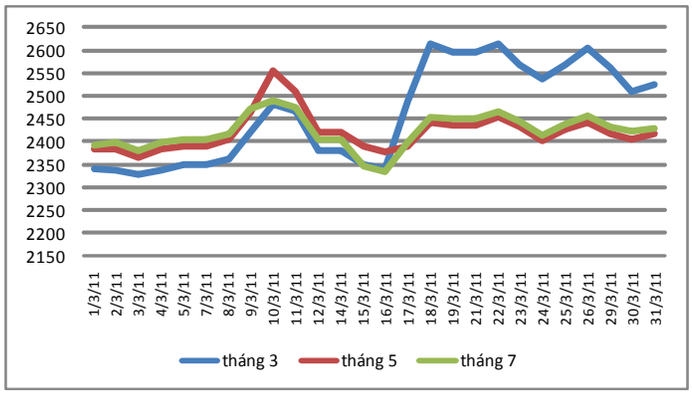

Nguồn: AGRODATA

Giá cà phê kỳ hạn arabica tại sàn giao dịch NewYork

USD / tấn

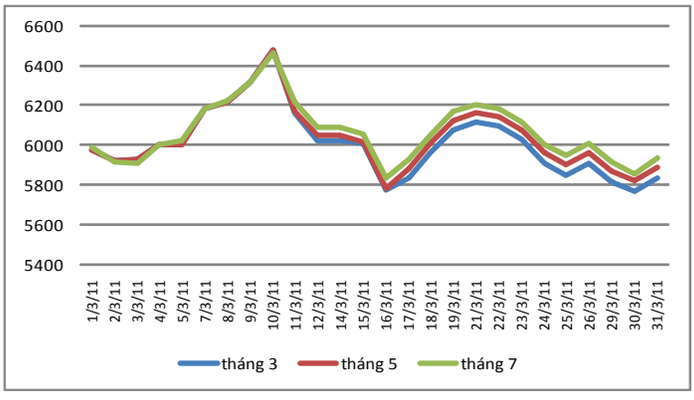

Nguồn: AGRODATA

Giá cà phê Colombia mild tại thị trường Mỹ và Châu ÂU

USD / tấn

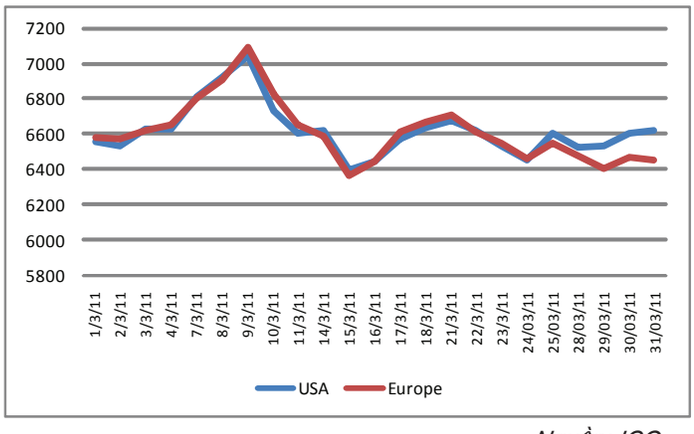

Nguồn: ICO

Giá cà phê Robusta tại thị trường Mỹ và Châu ÂU

USD / tấn

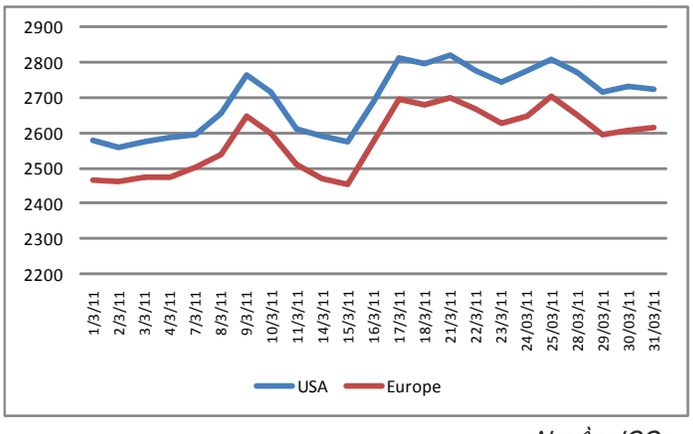

Nguồn: ICO